

# BÁO CÁO

## THƯỜNG NIÊN 2008

ANNUAL REPORT



**NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**  
Bank for Investment and Development of Vietnam



**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN 2008**  
ANNUAL REPORT

## ■ MỤC LỤC

Thư Chủ tịch Hội đồng quản trị	06
Thông tin ngân hàng	08
Các giải thưởng, danh hiệu	09
Các chỉ tiêu tài chính 2004 -2008	10
Sự kiện 2008	12
Giới thiệu Ban lãnh đạo	14
Tái cấu trúc mô hình tổ chức hoạt động	18
Công tác quản trị điều hành	22
Công nghệ thông tin – Nền tảng của ngân hàng hiện đại	24
Phát triển mạng lưới và nguồn nhân lực	26
Đánh giá hiệu quả kinh doanh 2008	28
Kết quả hoạt động chính 2008	33
Hoạt động cộng đồng	38
Kết quả hoạt động của các đơn vị thành viên	40
Kế hoạch 2009	46
Sẵn sàng cổ phần hóa	47
Chiến lược sau IPO	50
Báo cáo kiểm toán hợp nhất	52
Mạng lưới	68

# CHIA SẺ **CƠ HỘI** HỢP TÁC **THÀNH CÔNG**



## THƯ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quý vị đang cầm trong tay cuốn Báo cáo thường niên năm 2008 của BIDV. Theo thông lệ vào quý đầu của năm mới, BIDV đều gửi đến quý vị một bản báo cáo đầy đủ, toàn diện về một năm hoạt động đã qua, nhưng đối với năm 2008, để có được những con số, những chỉ tiêu, những kết quả mà quý vị sẽ đọc dưới đây là cả một nỗ lực và quyết tâm rất lớn của toàn thể lãnh đạo và người lao động BIDV. Nguyên nhân thì chúng ta đều rõ, khủng hoảng và suy thoái toàn cầu đã tác động đến tất cả các nền kinh tế, đến mọi mặt của đời sống xã hội và mọi tầng lớp dân cư, trong đó, doanh nghiệp mà cụ thể là ngân hàng bị tác động sớm và nhiều khó khăn nhất.

Ứng phó với những chao đảo và diễn biến trái chiều của nền kinh tế, Chính phủ Việt Nam đã có những chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt từ Trung ương đến địa phương, từ các Bộ, Ngành đến các doanh nghiệp. Trong đó với 8 nhóm giải pháp góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững trong 9 tháng đầu năm và 5 nhóm giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trong những tháng cuối năm 2008 và đầu 2009 đã phát huy hiệu quả, giảm thiểu rủi ro và tổn thất cho nền kinh tế, tiếp sức cho các doanh nghiệp gặp khó khăn, đảm bảo an sinh cho người nghèo, giữ ổn định chính trị, xã hội, GDP đến cuối năm đạt mức tăng trưởng 6,23%.

Là một ngân hàng thương mại lớn, cũng như các doanh nghiệp khác, trong bối cảnh chung như vậy, BIDV đã có những quyết sách kịp thời, linh hoạt trong điều hành hoạt động kinh doanh, đặc biệt là khả năng làm chủ và kiểm soát trước mọi tình huống. Cùng với đó, BIDV đã chủ động phân tích, dự báo, dự đoán diễn biến thị trường quốc tế và trong nước, chủ động đưa ra những đề xuất, kiến nghị, góp phần tạo kênh thông tin, tham vấn cho Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước trong điều hành kinh tế vĩ mô, và bản thân BIDV qua đó cũng rút ra nhiều bài học và kinh nghiệm hữu ích. Về cơ bản, kết thúc năm 2008, BIDV đã hoàn thành nhiệm vụ đề ra:

**Thứ nhất**, hoàn thành đồng bộ các chỉ tiêu trong kế hoạch kinh doanh năm 2008, trong đó tổng tài sản đạt 242.316 tỷ đồng (tương đương 14,3 tỷ USD), tăng 20,3% so với năm 2007; huy động vốn đạt 184.542 tỷ đồng, tăng 27,3% so với đầu năm; dư nợ tín dụng sau DPRR đạt 154.176 tỷ đồng, tăng 21,8% so 2007; thu dịch vụ đạt 1.794 tỷ đồng (bao gồm cả lãi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối), gấp hơn 2 lần mức thu năm 2007 (mức dẫn đầu thị trường); lợi nhuận trước thuế tăng 1,8% so với năm 2007, lợi nhuận ròng trong năm tăng 11%, hệ số CAR đạt 8,94% theo VAS và trên 6,5% theo IFRS, ROA đạt 0,80%, ROE đạt 19,38%; Vốn chủ sở hữu đạt 9.969 tỷ đồng. Chất lượng tín dụng tiếp tục được duy trì và kiểm soát với tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức 2,75%/tổng dư nợ;

**Thứ hai**, chủ động kiểm soát tăng trưởng tín dụng vừa đảm bảo cung ứng vốn cho nền kinh tế, vừa thực hiện các cơ cấu, giới hạn theo mục tiêu, yêu cầu, trong đó tập trung nguồn vốn hỗ trợ cho các Tập đoàn, Tổng công ty lớn của nhà nước đóng vai trò tạo lập các cân đối kinh tế vĩ mô, các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu; xây dựng gói giải pháp đồng bộ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất theo chỉ đạo của Chính phủ.

**Thứ ba**, thực hiện can thiệp mạnh mẽ, kịp thời và có hiệu quả trên thị trường tiền tệ, góp phần bình ổn tỷ giá, ổn định sức mua của đồng nội tệ; Khi nền kinh tế có diễn biến đảo chiều, BIDV đã chủ động, liên tục điều chỉnh giảm lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay, tạo tín hiệu dẫn dắt, định hướng thị trường, góp phần kích thích sản xuất kinh doanh, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ ngăn chặn đà suy giảm kinh tế.

**Thứ tư**, triển khai toàn diện, đồng bộ chuyển đổi bộ máy hoạt động sang ngân hàng thương mại bán lẻ hiện đại từ Hội sở chính đến các đơn vị thành viên, với mục tiêu xây dựng BIDV thành ngân hàng đa sở hữu, kinh doanh đa lĩnh vực, hoạt động theo thông lệ quốc tế, chất lượng ngang tầm các ngân hàng tiên tiến trong khu vực.

**Thứ năm**, đẩy mạnh các hoạt động vì cộng đồng, góp phần thực hiện mục tiêu của Chính phủ đảm bảo an sinh xã hội. Đặc biệt BIDV là đơn vị khởi xướng, tạo dựng phong trào và trực tiếp thực hiện nhiều việc làm cụ thể hướng về người nghèo trong cộng đồng doanh nghiệp thông qua chương trình "An sinh xã hội vì người nghèo" và chương trình "Xuân hợp lực, Tết sẻ chia" nhân dịp Tết nguyên đán Kỷ Sửu 2009.

"Là một ngân hàng thương mại lớn, cũng như các doanh nghiệp khác, trong bối cảnh chung như vậy, BIDV đã có những quyết sách kịp thời, linh hoạt trong điều hành hoạt động kinh doanh, đặc biệt là khả năng làm chủ và kiểm soát trước mọi tình huống."



Một năm đầy sóng gió và bất ổn đã qua, chúng ta đã vào năm 2009 khi mà cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ chưa có dấu hiệu suy giảm và theo nhiều dự báo sẽ còn diễn biến phức tạp. Và như vậy, nó sẽ tiếp tục đặt ra những thách thức cho nền kinh tế toàn cầu trong đó có Việt Nam. Để trụ vững và tiếp tục phát triển, năm 2009 hệ thống BIDV sẽ tập trung vào một số nội dung trọng yếu:

**Thứ nhất**, thực hiện tái cơ cấu toàn diện và triệt để hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt được sự thay đổi mạnh mẽ về cơ cấu, chất lượng và tăng trưởng bền vững một cách hợp lý, trong đó tập trung vào việc thay đổi cơ cấu thu nhập, cơ cấu tài sản, cơ cấu huy động vốn, cơ cấu khách hàng.

**Thứ hai**, tập trung cụ thể hoá 5 nhóm giải pháp ngăn chặn suy giảm kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ, gồm: (i) Thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu; (ii) Kích cầu đầu tư và tiêu dùng; (iii) Chính sách tài chính, tiền tệ phải hết sức linh hoạt; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp và nhân dân sản xuất; (iv) Đảm bảo an sinh xã hội và (v) Tổ chức, chỉ đạo điều hành năng động, quyết liệt.

**Thứ ba**, thực hiện lộ trình cổ phần hoá NHTM; Chuyển đổi hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con - tiến tới hình thành Tập đoàn tài chính ngân hàng; Tiếp nhận và áp dụng phương thức quản trị ngân hàng hiện đại, tranh thủ kinh nghiệm và kỹ năng của các đối tác chiến lược nước ngoài, tập trung đầu tư cho công nghệ hiện đại và tăng cường năng lực tài chính, năng lực quản trị điều hành đối với hoạt động của BIDV.

**Thứ tư**, tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các khách hàng, bạn hàng quốc tế, các định chế tài chính toàn cầu, hợp lực chia sẻ những khó khăn và thách thức trước mắt để cùng hướng tới một tương lai tốt đẹp hơn trên tinh thần bình đẳng, tự nguyện và cùng có lợi.

Thay mặt cho toàn hệ thống BIDV, tôi xin trân trọng cảm ơn về tất cả những tình cảm tốt đẹp nhất, về sự ủng hộ, hợp tác và chia sẻ của các định chế tài chính, các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp, bạn hàng trong và ngoài nước đã dành cho ngân hàng chúng tôi, và tôi cũng tin tưởng rằng sự hợp tác giữa BIDV với các bạn sẽ tiếp tục phát triển ở tầm cao mới để cùng vượt qua những khó khăn thách thức trước mắt và đều được mục đích và mục tiêu đã lựa chọn.

Trần Bắc Hà  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

## THÔNG TIN NGÂN HÀNG

Tên đầy đủ:	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Tên giao dịch quốc tế:	Bank for Investment and Development of Vietnam
Tên gọi tắt:	BIDV
Mã giao dịch SWIFT:	BIDVVNX
Địa chỉ:	Tháp A, toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Chủ tịch HĐQT:	Trần Bắc Hà
Tổng giám đốc:	Trần Anh Tuấn
Điện thoại:	84-4-22.206.744
Fax:	84-4-22.200.399
Website:	www.bidv.com.vn
Giấy phép đăng ký kinh doanh số:	0106000439
Mã số thuế:	0100150619
Thông tin xếp hạng 2008 do Moody's Investors Service Ltd thực hiện:	
• Triển vọng: ổn định.	
• Xếp hạng tiền gửi nội tệ/ngoại tệ: Ba1/B1 (đạt trần xếp hạng quốc gia).	
• Xếp hạng nhà phát hành: Ba1/Ba2 (đạt trần xếp hạng quốc gia).	
• Xếp hạng tài chính độc lập: E+;	
Công ty kiểm toán:	Ernst & Young
Tư vấn cổ phần hoá:	Morgan Stanley

## CÁC GIẢI THƯỞNG, DANH HIỆU

Danh hiệu do Nhà nước CHXHCN Việt nam trao tặng



Huân chương  
Hồ Chí Minh  
(2007)



Danh hiệu  
Anh Hùng Lao Động  
(2000)

Danh hiệu do Nhà nước CHDCND Lào trao tặng



Huân chương  
Lao động  
(2002)



Huân chương  
Hữu nghị  
(2007)

Các giải thưởng được trao tặng năm 2008



Giải thưởng hiệu  
nổi tiếng 2008 do VCCI  
bình chọn



Giải cung ứng dịch vụ  
FX tốt nhất do  
AsiaMoney trao tặng

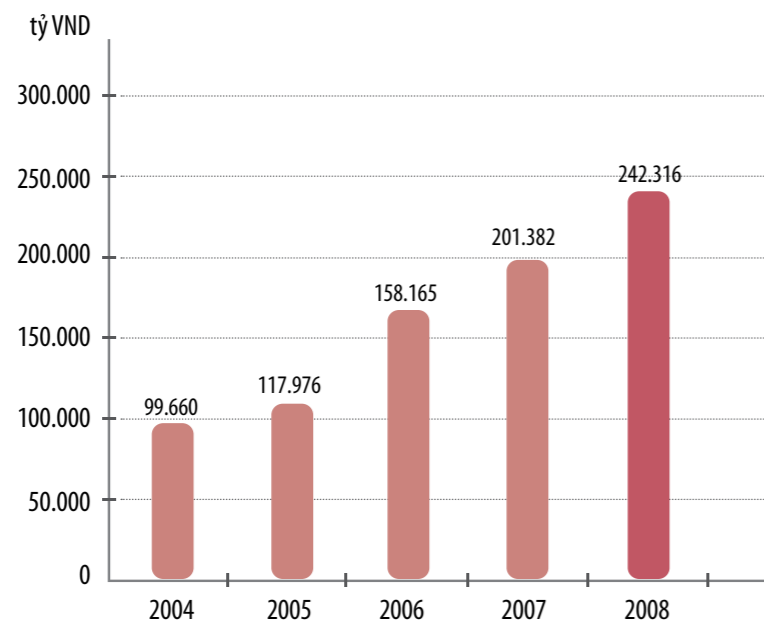


Giải thưởng hiệu mạnh  
2008 do Thời báo  
Kinh tế Việt Nam trao tặng

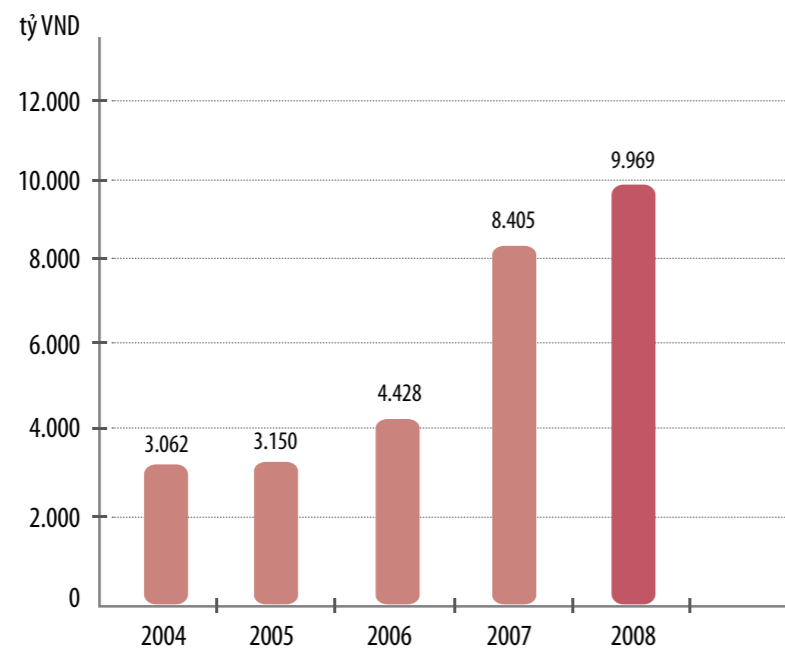
**Và nhiều giải thưởng, ghi nhận khác của các tổ chức trong và ngoài nước.**

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 2004 - 2008

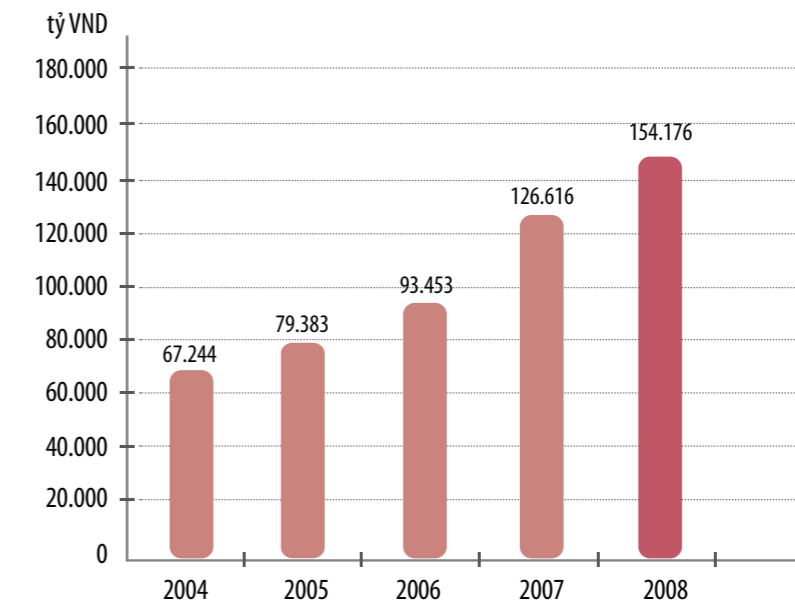
### ■ Tổng tài sản



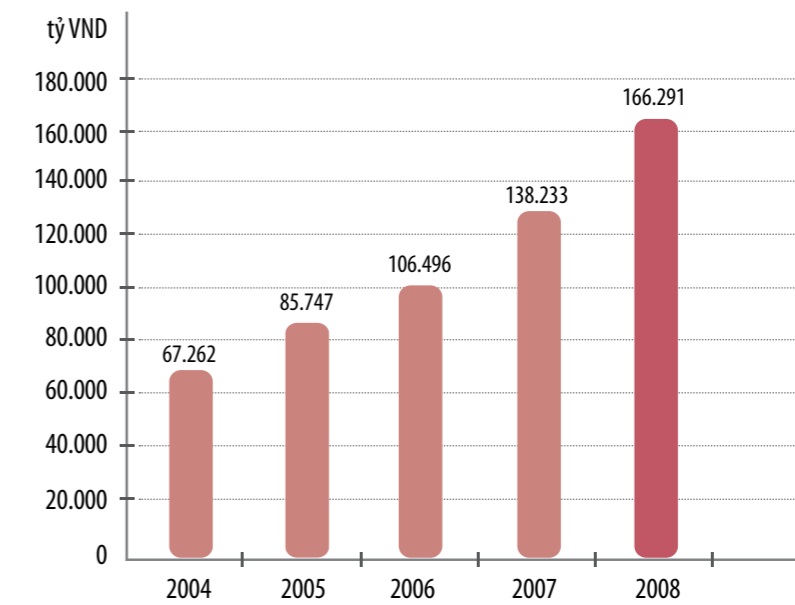
### ■ Vốn chủ sở hữu



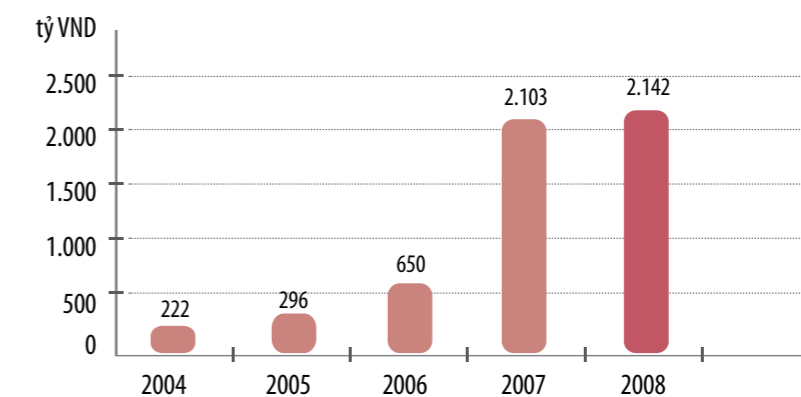
### ■ Cho vay và ứng trước khách hàng (ròng)



### ■ Tiền gửi và các khoản phải trả khách hàng



### ■ Lợi nhuận trước thuế



10

11

1. Chủ động, tích cực triển khai đồng bộ nhóm giải pháp của Chính phủ về kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng bền vững đảm bảo an sinh xã hội cũng như các giải pháp chống suy giảm kinh tế.

2. Chủ động trong thực thi chính sách tiền tệ, duy trì thanh khoản gắn với an toàn hoạt động; đi đầu định hướng lãi suất huy động, cho vay; can thiệp tích cực, kịp thời góp phần bình ổn tỷ giá; kiểm soát chặt chẽ và hiệu quả tăng trưởng tín dụng; linh hoạt ứng phó kịp thời với những biến động mạnh mẽ của môi trường kinh doanh toàn cầu, các diễn biến thị trường trong nước.

3. Chủ động hỗ trợ chia sẻ cùng doanh nghiệp vượt qua khó khăn, đặc biệt trong các lĩnh vực, các chương trình, mục tiêu lớn của Chính phủ, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp xuất khẩu, các doanh nghiệp trực tiếp tạo lập các cân đối lớn của nền kinh tế...

4. Tiếp tục triển khai có hiệu quả mô hình “ba nhà”: Nhà đầu tư – Nhà quản lý – Nhà băng thông qua hoạt động hỗ trợ Xúc tiến đầu tư vào các địa bàn còn nhiều khó khăn: Tây Bắc, Quảng Nam, Cần Thơ, Hòa Phấn và các tỉnh Nam Lào.

5. Tích cực hỗ trợ và chia sẻ với cộng đồng; Khởi xướng phong trào hướng về người nghèo cùng với cộng đồng doanh nghiệp qua chương trình “An sinh xã hội”, đóng góp và hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo với trên 65 tỷ đồng...



Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết thăm và chụp ảnh lưu niệm với cán bộ chủ chốt của BIDV



Ký kết thỏa thuận hợp tác với Tổng công ty Dầu Khí Việt Nam & công ty lọc hóa dầu Bình Sơn



Ký kết thỏa thuận hợp tác với Tổng công ty Lương thực Miền Nam



Ông Trần Bắc Hà phát biểu tại diễn đàn Thủ tướng chính phủ làm việc với Tập đoàn, TCT Nhà nước



Họp báo công bố nội dung điều hành lãi suất huy động và cho vay



Hội nghị xúc tiến đầu tư vào thành phố Cần Thơ

6. Hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh với chất lượng theo chuẩn quốc tế: tổng tài sản đạt 242.316 tỷ đồng, dư nợ 154.176 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu 9.969 tỷ đồng, CAR: 8,94%, ROA: 0,80%, ROE: 19,38%.

7. Chuyển đổi thành công toàn diện, đồng bộ mô hình kinh doanh mới hướng tới khách hàng và quản trị rủi ro theo mô hình chuẩn của một ngân hàng thương mại bán lẻ hiện đại, là kết quả của việc triển khai Dự án hỗ trợ kỹ thuật TA2 do WB tài trợ.

8. Tiếp tục hợp tác sâu rộng với các đối tác nước ngoài bằng những hợp tác cụ thể trên nhiều lĩnh vực với các đối tác uy tín tại các thị trường Séc, Nga, Mỹ, Trung quốc, Lào... Được Ngân hàng thế giới (WB) tiếp tục lựa chọn là định chế bán buôn thực hiện dự án TCNT III với giá trị 200 triệu USD để hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn.

9. Tiếp tục kiện toàn các tổ chức Đảng, Công Đoàn, Đoàn Thanh niên. Ban hành quy chuẩn mới về đạo đức, văn hoá BIDV, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

10. Nâng cao uy tín, thương hiệu lan tỏa sâu rộng trong nước và quốc tế: lần thứ 2 liên tiếp được AsiaMoney bình chọn là ngân hàng cung ứng dịch vụ FX tốt nhất, giải thưởng Thương hiệu nổi tiếng 2008 do VCCI bình chọn...

## GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### Ông Trần Bắc Hà: Chủ tịch HĐQT

Ông bắt đầu vào làm việc tại BIDV vào tháng 2 năm 1981. Sau đó, ông được bổ nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng như Phó giám đốc chi nhánh Nghĩa Bình, Phó giám đốc chi nhánh Bình Định, Giám đốc chi nhánh Bình Định. Tháng 10 năm 1999, ông Hà được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc của BIDV, bốn năm sau đó ông Hà được đề bạt làm Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc BIDV. Tháng 01 năm 2008, ông Hà được bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT của BIDV.

Cũng trong thời gian đó, ông Hà còn kiêm các chức vụ: Trưởng ban xử lý Tài sản và thu hồi nợ Ngân hàng TMCP Nam đô (09/1998-12/2007); Giám đốc Công ty Chứng khoán BIDV (11/1999 – 1/2002); Giám đốc Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản BIDV (12/2001 – 08/2002) và Giám đốc Sở Giao dịch III (7/2002 – 2/2005).

Bên cạnh trọng trách chính là Chủ tịch HĐQT của BIDV, ông Hà còn được Chính phủ Việt Nam đề cử giữ một số chức vụ trong các tổ chức như Phó Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, thành viên của Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN của Việt Nam (ASEAN BAC) (từ tháng 03/2006).



#### Ông Nguyễn Trung Hiếu: Ủy viên thường trực HĐQT

Ông Hiếu bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ tháng 11 năm 1976. Tháng 10/1991, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc chi nhánh BIDV Quảng Nam – Đà Nẵng. Tháng 12/1996, Ông là Giám đốc chi nhánh BIDV Đà Nẵng. Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 9/1997 kiêm Giám đốc chi nhánh BIDV Đà Nẵng đến tháng 12/2003. Từ tháng 06/2007, ông được bổ nhiệm là Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc BIDV. Từ 09/2008 đến nay là Ủy viên thường trực HĐQT BIDV.

Ngoài ra, ông Hiếu còn kiêm các chức vụ như: Ủy viên HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương từ tháng 8/2002 và Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh tháp BIDV từ tháng 10/2005.



#### Ông Lê Việt Cường: Ủy viên HĐQT

Ông Cường đã làm trong lĩnh vực ngân hàng từ tháng 5 năm 1972. Trước khi được đề bạt là Ủy viên HĐQT BIDV từ tháng 01/2007, ông Cường đã có thời gian công tác tại một số cơ quan như: Trưởng trung học ngân hàng Bắc Thái - Sơn Tây, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đã qua một số chức vụ như Phó Chánh Văn phòng và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, Ông Cường kiêm Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần chế tạo tàu và dàn khoan dầu khí, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần tài chính điện lực.



#### Ông Nguyễn Văn Phẩm: Ủy viên HĐQT

Ông Phẩm bắt đầu làm việc tại ngành Ngân hàng từ năm 1973 và tại BIDV từ năm 1992. Ông Phẩm từng nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng của BIDV như Giám đốc chi nhánh BIDV Đắk Lắk, Giám đốc Sở giao dịch II, Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Trung tâm đào tạo BIDV. Ông Phẩm được bổ nhiệm là Ủy viên Hội đồng quản trị từ tháng 8/2002 kiêm Trưởng ban kiểm soát BIDV từ 08/2002 - 11/2006. Từ tháng 7/2003 ông Phẩm kiêm Ủy viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm tra Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam. Từ tháng 12/2006 đến nay, Ông Phẩm là Ủy viên HĐQT BIDV, kiêm Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga.



#### Ông Nguyễn Khắc Thân: Ủy viên HĐQT

Ông Thân đã làm trong lĩnh vực ngân hàng được gần 30 năm. Ông bắt đầu vào làm việc tại BIDV năm 1979. Ông Thân được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 8/2004. Tháng 09/2008 ông Thân được bổ nhiệm là Ủy viên HĐQT BIDV. Ngoài ra, ông Thân cũng đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty chứng khoán BIDV từ tháng 7/2005, Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV- Partner từ tháng 01/2006, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Khu kinh tế Hải Hà. Ông Thân đã từng giữ chức vụ quan trọng như: Phó Giám đốc BIDV Bắc Ninh, Giám đốc NHNN Bắc Ninh, Phó Giám đốc Sở giao dịch BIDV, Giám đốc Sở giao dịch BIDV.



#### Ông Trần Anh Tuấn: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Thông tin xin xem phần giới thiệu ban Tổng Giám đốc

#### Ông Nguyễn Huy Tựa: Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng Ban kiểm soát HĐQT

Ông Tựa đã làm trong lĩnh vực ngân hàng được gần 25 năm. Ông bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1984. Sau đó, ông được bổ nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như: Phó giám đốc chi nhánh Thăng Long, Phó Giám đốc Sở giao dịch I, Giám đốc Ban Quản lý tín dụng, Giám đốc Sở giao dịch III của BIDV. Ông Tựa được bổ nhiệm là Ủy viên HĐQT từ tháng 10/2006. Từ tháng 12/2006 đến nay, Ông Tựa là Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng ban Kiểm soát BIDV. Ngoài ra ông còn là Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện dầu khí Nhơn Trạch, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh địa ốc Đà Lạt - BIDV; Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Điện Việt Lào.





## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Ông Trần Anh Tuấn : Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Ông Tuấn bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1981. Sau đó, ông được bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh BIDV Gia Lai (Gia Lai-Kon Tum) từ tháng 7/1989. Ông được đề bạt chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 9/1998, Ông Tuấn được bổ nhiệm là Ủy viên Hội đồng Quản trị BIDV từ tháng 10/2006, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc BIDV từ tháng 01/2008.



### Bà Phan Thị Chinh: Phó Tổng giám đốc

Bà Chinh bắt đầu làm việc tại BIDV năm 1991. Bà Chinh là Phó Giám đốc Ban Tài chính từ tháng 03/2003, Giám đốc Ban Tài chính từ tháng 08/2004. Bà Chinh được bổ nhiệm UV HĐQT Công ty LD Tháp BIDV từ tháng 10/2005 và Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 06/2007. Bà cũng kiêm Giám đốc Ban Tài chính đến tháng 10/2007.



### Ông Đoàn Tiến Dũng: Phó Tổng giám đốc

Ông Dũng làm việc tại BIDV từ năm 1987. Tháng 08/1996, ông Dũng giữ chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Hải Phòng, 07/2002 Quyền Giám đốc Chi nhánh BIDV Hải Phòng, tháng 10/2002 Giám đốc Chi nhánh BIDV Hải Phòng, ông Dũng được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 09/2008. Ngoài ra, ông Dũng là đại diện quản lý phần vốn góp của BIDV tại: Công ty cổ phần đầu tư KCN Hải Phòng, Công ty cổ phần dầu khí Alpha Sài Gòn.



### Ông Hoàng Huy Hà: Phó Tổng giám đốc

Ông Hà đã làm trong lĩnh vực ngân hàng được hơn 30 năm. Ông nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng của BIDV như Giám đốc chi nhánh BIDV Sông Bé, Giám đốc chi nhánh BIDV Bình Dương, Giám đốc Sở giao dịch II. Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 7/2002 và kiêm Giám đốc Sở giao dịch II của BIDV đến tháng 10/2002. Ngoài ra, ông Hà kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP phát triển đường cao tốc BIDV, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bắc Thăng Long, Ủy viên HĐQT VCCI.



### Ông Lê Văn Lộc: Phó Tổng giám đốc

Ông Lộc bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1975. Sau đó, ông nắm giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh BIDV Thanh Hóa, Phó Giám đốc Sở Giao dịch I, Giám đốc Sở Giao dịch I. Ông được đề bạt chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 7/2002. Ngoài ra, ông Lộc là đại diện quản lý phần vốn góp của BIDV tại Công ty CP tài chính VINACONEX, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Du lịch Sa Pa.



### Ông Lê Đào Nguyên: Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyên bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1983. Tháng 7/1998, ông được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc BIDV kiêm Giám đốc Sở giao dịch BIDV. Từ tháng 6/2002 - 06/2008, ông Nguyên kiêm Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào-Việt. Tháng 03/2007, ông Nguyên kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư tài chính BIDV. Ngoài ra, Ông Nguyên kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam, UV HĐQT Công ty cổ phần Sắt Thạch Khê, Đại diện phần vốn góp của BIDV tại Công ty CP thông tin tin dụng cá nhân, UV HĐQT công ty chuyển mạch tài chính quốc gia (Banknet) và là thành viên của HĐQT Hiệp hội các định chế tài chính Châu Á Thái Bình Dương (ADFIAP) từ năm 2002 đến nay.



### Ông Phan Đức Tú: Phó Tổng giám đốc

Ông Tú bắt đầu làm việc tại BIDV năm 1987. Ông Tú giữ nhiều chức vụ quan trọng của BIDV như Phó GD chi nhánh BIDV Quảng Ngãi, Giám đốc chi nhánh BIDV Quảng Ngãi, Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ. Tháng 06 năm 2007 ông Tú được bổ nhiệm là Phó Tổng giám đốc của BIDV, Ông Tú cũng kiêm Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV đến tháng 08/2008. Ngoài ra ông Tú kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cho thuê tài chính (Leasing I), Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt, Ủy viên HĐQT Công ty CP bất động sản BIDV, Ủy viên HĐQT Công ty CP đầu tư dự án Tây Thăng Long, UV HĐQT công ty cổ phần đô thị BIDV-PP.



### Ông Trần Quý Trung: Phó Tổng giám đốc

Ông Trung đã làm trong lĩnh vực ngân hàng được gần 30 năm. Ông bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1980. Tháng 04/1997, ông Trung là Trưởng phòng bảo lãnh BIDV, tháng 11/1999 Trưởng phòng Tổ chức cán bộ BIDV và tháng 05/2002 là Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV. Ông Trung được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 8/2004. Ngoài ra, ông Trung kiêm Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần thương mại và cảng biển Vũng Áng.



### Ông Trần Thanh Vân: Phó Tổng giám đốc

Bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1983, tháng 10/1991, ông Vân giữ chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh Quảng Nam Đà Nẵng, tháng 04/2004 Giám đốc Chi nhánh BIDV Đà Nẵng. Ông Vân được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 09/2008.



### Bà Ngô Thị Ất: Kế toán trưởng

Bà Ất đã làm việc tại BIDV từ năm 1978. Từ năm 1996 - 2002, Bà Ất là Phó giám đốc Sở giao dịch I. Năm 2003 -2004, bà là Giám đốc Ban Tài chính kế toán, Ban Kế Toán. Từ năm 2005 đến nay, bà được bổ nhiệm là Kế toán trưởng BIDV.



## TÁI CẤU TRÚC MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Tiếp tục thực hiện nội dung Đề án hỗ trợ kỹ thuật do Ngân hàng thế giới (World Bank) tài trợ nhằm chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động giai đoạn 2007 - 2010, năm 2008, BIDV đã thực hiện cơ cấu lại toàn diện, sâu sắc trên tất cả các mặt hoạt động của Ngân hàng.

Tháng 9/2008, BIDV đã chính thức vận hành mô hình tổ chức mới tại Trụ sở chính và cụ thể hoá công tác triển khai chuyển đổi mô hình tổ chức tại các chi nhánh để vận hành từ 01/10/2008.

### Tại Trụ sở chính

Gồm 34 Ban, Trung tâm và phân tách theo 7 khối chức năng: Khối Ngân hàng Bán buôn (4 ban), Khối Ngân hàng bán lẻ và mạng lưới (3 ban), Khối Vốn và Kinh doanh vốn (1 ban), Khối Quản lý rủi ro (3 ban), Khối Tác nghiệp (3 ban), Khối Tài chính - Kế toán (3 ban) và Khối Hỗ trợ (16 ban).

### Tại các Chi nhánh

Các đơn vị thành viên gồm 108 Chi nhánh sắp xếp, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các Phòng/Tổ theo mô hình mẫu được thiết kế gồm 5 khối:

- Khối Quan hệ khách hàng gồm: Các Phòng Quan hệ khách hàng; Phòng/Tổ tài trợ dự án.
- Khối Quản lý rủi ro gồm: Phòng Quản lý rủi ro.
- Khối Tác nghiệp gồm: Phòng Quản trị tín dụng, Phòng DV khách hàng, Phòng/Tổ Quản lý và dịch vụ kho quỹ, Phòng/Tổ Thanh toán quốc tế.
- Khối Quản lý nội bộ gồm: Phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Phòng/Tổ Điện toán, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Tổ chức - Nhân sự, Văn phòng.
- Khối trực thuộc gồm: các Phòng Giao dịch, các Quỹ Tiết kiệm.

Công tác chuyển đổi, vận hành mô hình tổ chức mới đã cơ bản đáp ứng được các yêu cầu đề ra:

Thứ nhất, thực hiện được mục tiêu chuyển đổi từ mô hình ngân hàng truyền thống sang mô hình NHTM hiện đại, đa năng định hướng mở rộng hoạt động ngân hàng bán lẻ, tạo nền tảng cho việc tập trung hoá hoạt động và tăng cường quản lý tập trung tại Trụ sở chính.

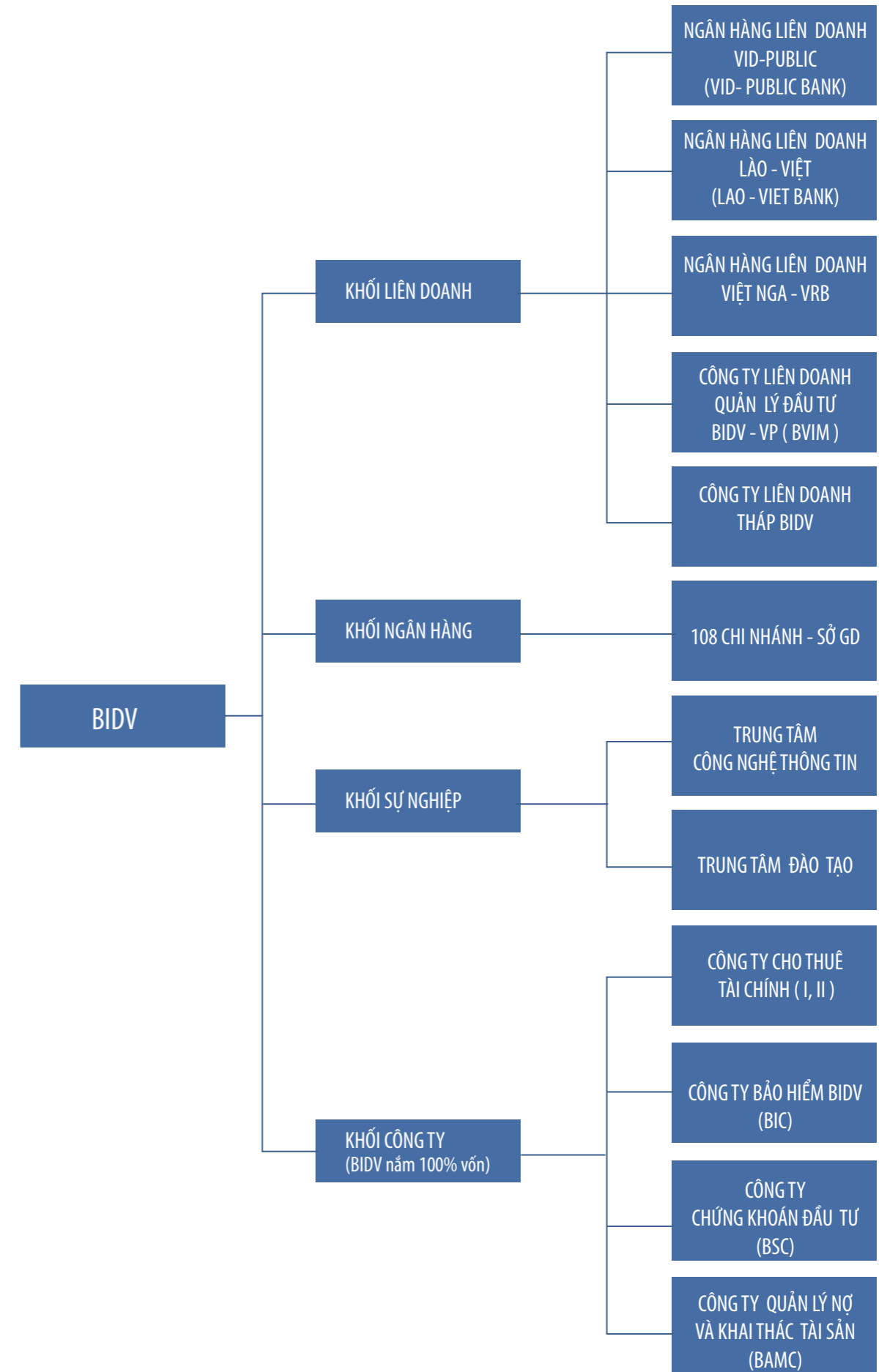
Thứ hai, tạo ra được sự phân tách về mặt tổ chức giữa khối kinh doanh/"Front Office" và các khối QLRR/Tác nghiệp/hỗ trợ "Back/Support Office".

Thứ ba, tạo lập được cơ cấu tổ chức hướng dẫn theo thông lệ quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro; phần lớn các nghiệp vụ, nhất là nghiệp vụ cấp tín dụng đã được thực hiện và kiểm soát qua 03 khâu: đề xuất – quản lý rủi ro/phê duyệt - tác nghiệp.

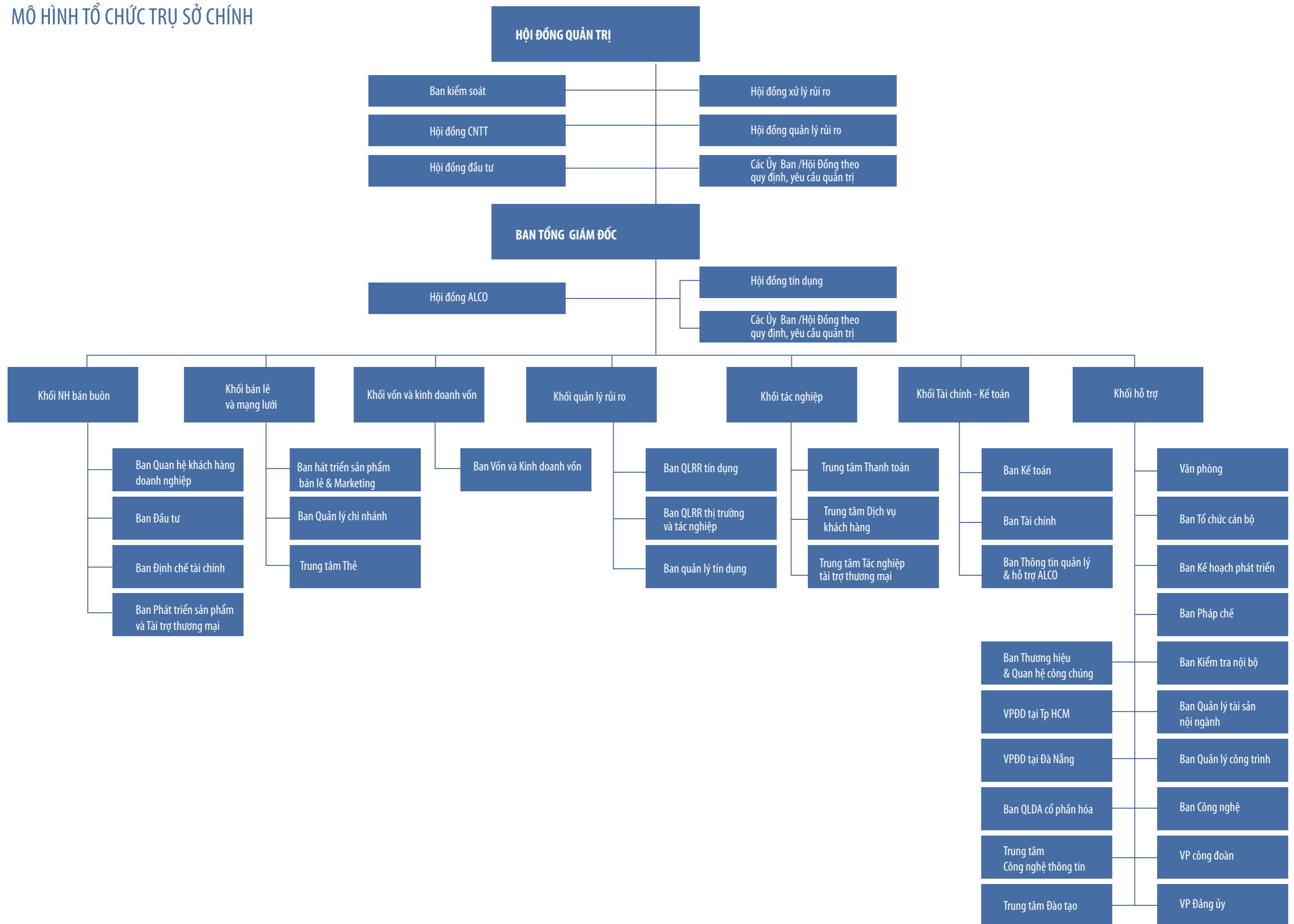
Và thứ tư, việc chuyển đổi đã có lộ trình, bước đi tương đối phù hợp với khả năng, điều kiện thực tế, phát huy được nghiệp vụ truyền thống của BIDV, thúc đẩy triển khai các nghiệp vụ, sản phẩm mới cũng như thực hiện được các nguyên tắc, đề xuất cốt lõi của tư vấn dự án TA2.

Với việc quyết liệt tái cấu trúc lại mô hình hoạt động của hệ thống, BIDV đã chuẩn bị sẵn sàng để cổ phần hoá ngân hàng và hướng tới mô hình một tập đoàn tài chính đa năng, hiện đại.

## MÔ HÌNH TỔ CHỨC TOÀN HỆ THỐNG



# MÔ HÌNH TỔ CHỨC TRỤ SỞ CHÍNH



20

21

Có thể khái quát công tác chỉ đạo hoạt động của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong năm 2008 là nhanh nhạy - linh hoạt - ứng phó kịp thời.

1. Tập trung chỉ đạo toàn diện thực hiện các chỉ tiêu KHKD 2008 chủ động, quyết liệt, hiệu quả:

Việc triển khai KHKD tại các đơn vị thành viên được chỉ đạo bài bản, phân khai theo tháng/quý có giám sát, đánh giá sơ kết định kỳ nhằm nhận định, phân tích khả năng hoàn thành KHKD và kịp thời tháo gỡ khó khăn cho từng đơn vị.

2. Phát huy vị thế ngân hàng hàng đầu quốc gia, chủ động, tích cực triển khai thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ hiệu quả.

Chỉ đạo triệt để thực hành tiết kiệm chi phí, tiết giảm đầu tư trong toàn hệ thống. Tích cực, chủ động trong việc tương trợ, tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, khuyến khích và tập trung hỗ trợ tín dụng xuất khẩu, hoạt động sản xuất kinh doanh cho các ngành, lĩnh vực tạo ra cân đối lớn cho nền kinh tế, các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thực hiện điều hành tỷ giá linh hoạt theo định hướng và chỉ đạo của NHNN góp phần can thiệp, bình ổn thị trường ngoại hối.

Thành lập tổ nghiên cứu độc lập của BIDV nhằm đánh giá những tác động từ nền kinh tế, dự báo và đưa ra các kịch bản diễn biến thị trường theo tháng/quý/năm để điều hành hoạt động kinh doanh.

3. Tuân thủ chỉ đạo của Thống đốc NHNN về việc kiểm soát cơ cấu tăng trưởng tín dụng gắn chất lượng hoạt động tín dụng của các TCTD

Thực hiện quản lý, điều hành hoạt động tín dụng thông qua các công cụ: giới hạn tín dụng tháng, quý, năm đến từng Chi nhánh, khách hàng và duy trì hệ số (k) từ tháng 3 đến tháng 10/2008 đảm bảo khả năng thanh khoản, kiểm soát tăng trưởng tín dụng trong giai đoạn lạm phát. Đồng thời phân tích, xác định đúng nhu cầu tăng trưởng của nền kinh tế, đối tượng khách hàng và mục đích vay vốn để quyết định tăng tỷ lệ tăng trưởng tín dụng năm 2008 từ 25% lên 27%, từ đó thu hút được những khách hàng tốt và hỗ trợ giảm bớt khó khăn đối với khách hàng.

4. Chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm, tập trung xử lý nợ xấu, thu hồi nợ hạch toán ngoại bảng, kiểm soát chất lượng tín dụng:

Danh mục nợ xấu của BIDV đã được rà soát hàng tháng hàng quý, và khi cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu lan rộng, BIDV đã chỉ đạo các chi nhánh rà soát lại toàn bộ khả năng trả nợ, tài sản đảm bảo của khách hàng. Đồng thời xây dựng và giao lại kế hoạch gắn với chỉ đạo các chi nhánh triển khai thực hiện các biện pháp giảm nợ xấu.

Song song với công tác xử lý nợ xấu nội bảng, BIDV cũng tập trung quyết liệt tận thu hồi nợ đã xử lý hạch toán ngoại bảng bằng nhiều biện pháp sáng tạo, linh hoạt.

5. Chỉ đạo tập trung, quyết liệt hoạt động dịch vụ và đã có sự phát triển bứt phá, vượt trội, chuyển dịch cơ cấu mạnh mẽ trong tổng nguồn thu dịch vụ

Hoạt động kinh doanh tiền tệ có bước tăng trưởng mạnh mẽ, tạo được bước đột phá ngoạn mục với mức tăng trưởng gấp 5,6 lần so với năm 2007. Để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho chi nhánh và nắm bắt các cơ hội kinh doanh, BIDV đã tổ chức Hội nghị dịch vụ tại 3 khu vực để nhất quán trong điều hành. Việc này đã có tác dụng lan toả, đánh giá đúng những tồn tại, bất cập mang tính hệ thống để tập trung tháo gỡ và xác định các biện pháp, giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ trong toàn hệ thống.

6. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra giám sát hoạt động của các Chi nhánh:

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức kiểm tra nội bộ theo hướng tập trung, tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản chế độ về công tác kiểm tra nội bộ, chỉnh sửa quy định kiểm tra nghiệp vụ thay thế quy định cũ phù hợp mô hình mới.



Bên cạnh đó, công tác kiểm tra giám sát cũng được quan tâm chú trọng và thực hiện có chiều sâu về chất lượng. Sau các đợt kiểm tra, đã tổng hợp công bố rộng rãi, công khai các lỗi thường phát sinh và chỉ đạo các đơn vị thành viên nghiêm túc rút kinh nghiệm.

7. Triển khai thành công mô hình tổ chức theo dự án TA2 làm cơ sở đổi mới phương thức quản lý:

Tập trung chỉ đạo xây dựng, ban hành chức năng, nhiệm vụ của các Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính cũng như chi nhánh theo mô hình tổ chức mới. Bên cạnh đó, đã tập trung xây dựng quy trình nghiệp vụ, sửa đổi hoặc ban hành mới bao gồm 49 quy định/quy trình; 200 bản mô tả công việc cho các chức danh của các Khối tại Trụ sở chính.

8. Tiếp tục chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực về số lượng và chất lượng:

Công tác tuyển dụng, sàng lọc đầu vào được đặc biệt lưu ý, tuân thủ các quy định, quy trình tổ chức thi tuyển để lựa chọn đội ngũ cán bộ mới có chất lượng tốt. Công tác luân chuyển cán bộ được đẩy mạnh nhằm tạo điều kiện cho cán bộ thích nghi với nhiều môi trường làm việc hội sở chính cũng như tại chi nhánh. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm được quan tâm thường xuyên, đặc biệt nhiều cán bộ trẻ được tin tưởng bổ nhiệm, qua đó đã phát huy tối đa năng lực, trí tuệ, sức trẻ, sức sáng tạo cho hoạt động của BIDV.

9. Tiếp tục củng cố, mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động của các Chi nhánh, Công ty thành viên tại các địa bàn tiềm năng:

Việc chỉ đạo trực tiếp, trực tuyến hoạt động các chi nhánh là mô thức quản lý hiệu quả, thiết thực được thực hiện trong những năm trước đây và tiếp tục được phát huy trong năm 2008. Các thành viên Ban lãnh đạo được phân công chỉ đạo trực tuyến theo cụm - khu vực để xử lý kịp thời các vướng mắc, khó khăn của các đơn vị, bổ sung Lãnh đạo chủ chốt cho các Chi nhánh nhằm đảm bảo năng lực điều hành hoạt động của Chi nhánh.

Đối với khối các Công ty tiếp tục được cơ cấu lại tổ chức, bổ sung nhân sự chủ chốt nhằm tăng cường năng lực quản lý điều hành, tính tự chủ trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng bền vững.

10. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, ban hành các cơ chế phân cấp, uỷ quyền đủ mạnh và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành

Chỉ đạo quyết liệt đổi mới phương thức hoạt động giữa các đơn vị tại Hội sở chính, giữa Hội sở chính và các đơn vị thành viên. Tạo dựng kênh thông tin liên lạc, đối thoại kịp thời, có nội dung, thời gian, tiến độ cụ thể. Bên cạnh đó, các chỉ đạo của Ban lãnh đạo tiếp tục được phân giao rõ ràng, định kỳ có đánh giá, kiểm tra; tiếp tục duy trì đều đặn và cải tiến nội dung, phương pháp chỉ đạo các cuộc họp giao ban hàng tháng để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh doanh, từ đó xác định các nhiệm vụ trọng tâm của từng tháng để tập trung chỉ đạo.

Cùng với việc chuyển đổi mô hình tổ chức, sự đổi mới trong công tác quản trị điều hành đã đóng vai trò quyết định trong việc hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, kế hoạch kinh doanh 2008.

Công nghệ thông tin là công cụ hỗ trợ đắc lực trong quá trình phát triển kinh doanh của ngân hàng, đặc biệt với năm 2008, một năm kinh tế đầy khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BIDV nhưng hệ thống công nghệ thông tin vẫn được đảm bảo vận hành thông suốt góp phần cho sự hoạt động ổn định của BIDV.

## THỰC TRẠNG CỦA HỆ THỐNG CNTT NĂM 2008

Trong năm 2008, toàn ngành đã triển khai dự án củng cố cơ sở hạ tầng về phần cứng, hệ thống, mạng và truyền thông nâng cao độ an toàn, đáp ứng kịp thời sự phát triển ứng dụng CNTT của toàn ngành. Trong năm đã hoàn thành việc triển khai:

- Lắp đặt cơ sở vật chất kỹ thuật cho trung tâm dự phòng thảm họa Hải Dương
- Dự án trang bị hệ thống CNTT dự phòng thảm họa SAN
- Chuyển đổi các ứng dụng lên hệ thống Blade Server
- Mở rộng đường truyền cho các chi nhánh trong toàn hệ thống (triển khai thêm 01 đường Leased Line của Viettel)

Hệ thống CNTT thường xuyên thực hiện quản lý, hỗ trợ vận hành hệ thống BIDV gồm: hệ thống mạng truyền thông kết nối 108 chi nhánh với khoảng gần 500 điểm giao dịch, 1000 máy ATM với số lượng đường truyền lên đến 700 đường và quản lý, vận hành trên 130 chương trình phần mềm ứng dụng; phát triển rất nhiều các chương trình phần mềm/dịch vụ đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ, quản trị của BIDV (bình quân trên 40 phần mềm được viết mới, nâng cấp/năm).

## ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2008

### Trong quản trị điều hành

Rất nhiều chương trình, tiện ích báo cáo được xây dựng theo yêu cầu của các đơn vị. Các chương trình báo cáo đã hỗ trợ chi nhánh giảm thiểu được việc tạo báo cáo, tận dụng triệt để việc khai thác báo cáo từ nguồn dữ liệu SIBS tập trung góp tạo tính thống nhất, tính đúng đắn về mặt dữ liệu từ trung ương đến chi nhánh. Các báo cáo này trợ giúp rất lớn trong quá trình quản trị các rủi ro.

- Tham gia triển khai gói sản phẩm e.Security cho các công ty chứng khoán Gia Phát, Bản Việt, BSC, Artext, Euro Windows, triển khai thử nghiệm cho các công ty chứng khoán Thiên Việt, VN Direct, Bảo Việt Sài Gòn, Bảo Việt Hà Nội.
- Hoàn thành triển khai nâng cấp chương trình Thanh toán lương tự động (cho phép đổ lương song song) hạn chế tình trạng tắc nghẽn tại các chi nhánh.
- Hệ thống SWIFT: Theo dõi và thực hiện hợp đồng bảo trì phần mềm SWIFT. Hoàn thành nâng cấp hệ thống SWIFT theo lộ trình nâng cấp SWIFTNet Phase
- Hoàn thành xây dựng báo cáo khả thi/tiêu chuẩn kỹ thuật dự án Xây dựng hệ thống dự phòng thảm họa cho SWIFT.
- Hỗ trợ triển khai mô hình TA2 tại Hội Sở chính và các chi nhánh: Khai báo lại user theo mô hình mới, thực hiện đóng user theo mô hình cũ trên các chương trình ngoài SIBS;
- Hỗ trợ CNTT cho 05 chi nhánh mới thành lập trong năm 2008.
- Triển khai phương án tập trung hệ thống máy chủ BDS trên địa bàn Hà Nội về tập trung tại Trung tâm xử lý.
- Hoàn thành triển khai chương trình Gateway nâng cấp và tích hợp các ứng dụng (như: Convert điện ngày trước, Báo cáo trượt cổng...) vào hệ thống Gateway nâng cấp. Triển khai chương trình Citad (phiên bản nâng cấp) theo kế hoạch của NHNN.
- Triển khai trên chương trình ứng dụng/ dịch vụ tại Hội sở chính và trên toàn hệ thống BIDV....



### Phát triển các sản phẩm dịch vụ

Với việc kết nối vào hệ thống chuyển mạch chung Banknetvn thì hiệu quả đem lại của mạng lưới ATM của BIDV đã được khẳng định. Nhiều sản phẩm dịch vụ đã tạo được tiếng vang cho BIDV trong hệ thống các ngân hàng thương mại như:

- Cổng thanh toán trực tuyến với các công ty chứng khoán đến nay đã kết nối được với nhiều công ty chứng khoán lớn trên thị trường.
- Kết nối thanh toán thuê bao trả trước với các mạng viễn thông Vinaphone, Viettel.. qua công ty VNPay trên các kênh SMS, máy ATM cho phép khách hàng thanh toán trực tiếp cước phí viễn thông. Hệ thống thanh toán hoá đơn tập trung DirectBanking và các hệ thống thanh toán khác...

Trong năm 2008, BIDV đã thực hiện triển khai, vận hành nhiều chương trình phần mềm (Hoàn thành xây dựng: 44 chương trình, đang xây dựng, nâng cấp: 09 chương trình, được triển khai, vận hành trong năm: 55 chương trình) trong đó có nhiều sản phẩm hỗ trợ hoạt động dịch vụ mang lại nhiều lợi nhuận cũng như tiếng vang cho BIDV như: Cổng thanh toán trực tuyến với các công ty chứng khoán (BIDV@security), Kết nối thanh toán thuê bao trả trước với các mạng viễn thông Vinaphone, Viettel.. qua công ty VNPay trên các kênh SMS, máy ATM, Hệ thống thanh toán hoá đơn tập trung...

### Phát triển Công nghệ thông tin Ngân hàng

- Nguồn nhân lực: Bên cạnh đội ngũ cán bộ CNTT tại trụ sở chính (ban CNTT, Ban Kiểm tra nội bộ, Trung tâm Thê), cán bộ CNTT tại các đơn vị thành viên, phần lớn tập trung tại Trung tâm CNTT với số lượng là 160, trong đó số cán bộ làm công tác CNTT là 138 người. Góp phần cho sự phát triển của CNTT là nền tảng cơ sở cho sự phát triển của BIDV phải kể đến sự đóng góp của đội ngũ cán bộ làm công tác CNTT(IT). Phải khẳng định rằng, BIDV có một đội ngũ IT nhiệt huyết với ngành, yêu nghề và tận tâm với công việc, không quản ngại khó khăn. Đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu của hệ thống, đảm bảo hoạt động thông suốt 24/24, hạn chế và giảm thiểu thời gian dừng của hệ thống (trong năm 2008: hệ số vận hành máy móc thiết bị mạng tin học hệ thống đạt tối thiểu đều đạt từ 98% trở lên. Ví dụ: Hệ thống máy chủ CoreBanking iSeries đạt 100%, hệ thống truyền thông tại Trung tâm xử lý, HSC, Trung tâm miền, chi nhánh cấp 1 đạt 98%..)

- Các chương trình, dự án đã triển khai trong năm 2008:

+ Thực hiện dự án Công nghệ Thông tin trọng điểm:

+ Dự án Hiện đại hoá WB 2

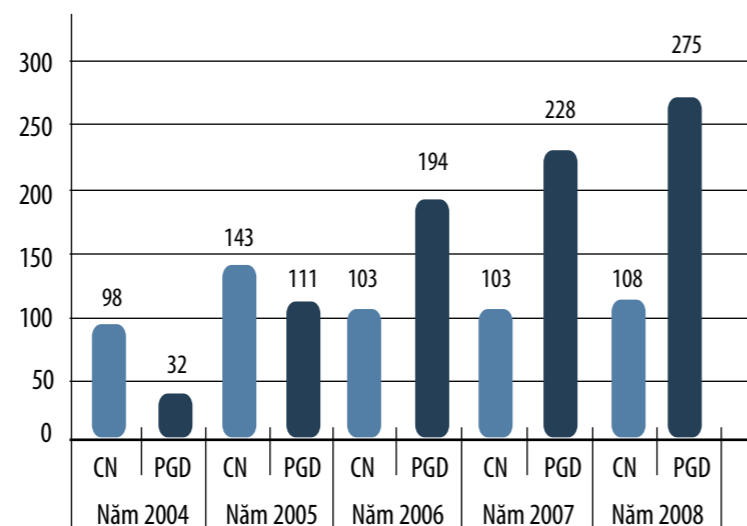
Sau quá trình triển khai thành công dự án hiện đại hoá giai đoạn 1, Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam tiếp tục thực hiện dự án Hiện đại hoá ngân hàng và hệ thống thanh toán giai đoạn 2. Đây là một trong những dự án quan trọng của ngành với những nội dung kỹ thuật và nghiệp vụ phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến sự an toàn và ổn định trong quá trình vận hành hệ thống công nghệ thông tin mới được đầu tư.

Song song các dự án HĐH- WB2, một số dự án CNTT trọng điểm khác cũng đã và đang trong giai đoạn thực hiện dự án: dự án nâng cấp hệ thống SIBS; Dự án Xử lý điện Swift đi; Dự án Nâng cấp hệ thống GateWay; Dự án Xây dựng chính sách bảo mật; Dự án bảo trì Hệ thống Quản lý nội bộ...

# PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

Nếu như sự mở rộng của mạng lưới hoạt động khẳng định sự lớn mạnh của doanh nghiệp thì việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm nên linh hồn của sự lớn mạnh đó. Với BIDV, 2008 là năm hoạt động phát triển mạng lưới và nguồn nhân lực được đánh giá là đạt hiệu quả.

## MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG



Mạng lưới hoạt động BIDV giai đoạn 2004 - 2008

Thực hiện đề án phát triển mạng lưới hoạt động giai đoạn 2007 - 2010, năm 2008 BIDV đã mở mới 05 chi nhánh trên địa bàn TP Hà Nội (chi nhánh Hai Bà Trưng, Ba Đình, Tây Hồ, Thanh Xuân và Tây Hà Nội), nâng tổng số chi nhánh (sở giao dịch) trực thuộc lên 108 đơn vị, nâng cấp và mở mới 40 Phòng giao dịch nâng tổng số lên thành 400 Phòng giao dịch/quỹ tiết kiệm. Khối hậu cần phục vụ cho hoạt động của các chi nhánh cũng được củng cố và sắp xếp lại hoạt động.

Điểm nổi bật trong công tác phát triển mạng lưới năm qua là việc BIDV thực hiện sắp xếp lại hoạt động mạng lưới phòng giao dịch. Trên cơ sở đánh giá hiệu quả, tiềm năng phát triển, chất lượng hoạt động, BIDV thực hiện tổ chức lại mạng lưới phòng giao dịch theo hướng mỗi phòng giao dịch như một điểm bán hàng, làm tiền đề cho việc phát triển ngân hàng bán lẻ của hệ thống giai đoạn 2009-2012.

Đối với kênh phân phối hiện đại như ATM, năm 2008 cũng đã được mở rộng thêm 300 máy nâng tổng số máy ATM của hệ thống lên 1.000 máy, mở rộng kết nối Banknet với 7 ngân hàng, nâng số ngân hàng kết nối thanh toán với BIDV qua Banknet lên 12 ngân hàng.

Bên cạnh việc mở rộng thị trường hoạt động trong nước, BIDV tiếp tục mở rộng hoạt động tại thị trường đã có sự hiện diện như tại thị trường Nga (Ngân hàng liên doanh Việt - Nga của BIDV liên doanh với Ngân hàng Ngoại thương Nga đã hoàn thành việc mở văn phòng đại diện tại Nga tiến tới thành lập ngân hàng con trong năm 2009); thị trường Lào (bên cạnh hoạt động có hiệu quả của Ngân hàng liên doanh Lào Việt, BIDV chính thức đưa vào hoạt động Công ty liên doanh bảo hiểm Việt Lào tại Viêng chăn) và tiếp tục xúc tiến thiết lập sự hiện diện tại thị trường HồngKông...

Đối với mạng lưới phi ngân hàng, năm 2008 hoạt động kinh doanh có nhiều khó khăn song đây cũng là cơ hội để BIDV củng cố, sắp xếp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các công ty đã thành lập trong năm 2007. Riêng Công ty bảo hiểm BIDV (BIC) đã mở thêm 07 chi nhánh trên toàn quốc.



## NGUỒN NHÂN LỰC NÂNG CAO

Song song với quá trình phát triển mạng lưới, nguồn nhân lực của BIDV cũng không ngừng được nâng cao cả về số lượng và chất lượng.

Về số lượng cán bộ: để đảm bảo lực lượng cán bộ đáp ứng yêu cầu của dự án Hiện đại hoá ngân hàng và chuyển đổi mô hình tổ chức theo Dự án hỗ trợ kỹ thuật TA2, năm 2008, BIDV đã chú trọng bố trí, bổ sung đủ nhân sự ở các vị trí, các bộ phận. Cuối năm 2008, tổng số lao động của BIDV là 13.100 người, trong đó tại Trụ sở chính là 920, các đơn vị thành viên là 12.180.

Về chất lượng, cùng với việc trẻ hoá cán bộ (tuổi đời bình quân năm 2008 là 33 và có trên 60% cán bộ dưới 30 tuổi), đội ngũ cán bộ BIDV năm qua cũng đã có những tiến bộ đáng kể trên cả 2 bình diện: bằng cấp và năng lực thực tế. Năm 2008, số cán bộ có trình độ đại học và trên đại học đạt 81,2% tăng 1,7% so với năm 2007. Bên cạnh đó, năng lực thực tế, khả năng quản trị điều hành, khả năng nắm bắt công nghệ ngân hàng hiện đại, khả năng thích ứng và hoạt động trong thị trường cạnh tranh của đội ngũ cán bộ, lãnh đạo cũng đã được cải thiện rõ rệt.

Về công tác tuyển dụng, BIDV đã đề ra các định hướng, chính sách đổi mới, nâng cao chất lượng trong công tác tuyển dụng lao động. Năm 2008, toàn hệ thống đã tuyển dụng 1.500 cán bộ trẻ có trình độ năng lực phẩm chất đáp ứng yêu cầu giai đoạn phát triển mới. Việc tuyển dụng tập trung cho Hội sở chính và các đơn vị trên địa bàn Hà Nội tiếp tục được thực hiện, kết quả đã tuyển dụng được 201 thí sinh/1.128 thí sinh dự thi. Đặc biệt, đã thực hiện thí điểm tuyển dụng lao động theo vị trí, chức danh công việc để bổ sung cán bộ cho một số đơn vị tại Hội sở chính. Đối với các đơn vị thành viên, Hội sở chính đã thực hiện chỉ đạo, phối hợp và hỗ trợ tối đa cho chi nhánh trong công tác tuyển dụng về đề thi, đáp án thi...

Song song với công tác tuyển dụng, công tác đào tạo của BIDV cũng có nhiều cố gắng và đã có những bước đổi mới quan trọng, thiết thực góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp. Trong năm 2008, BIDV đã tổ chức 170 khoá đào tạo trong nước cho 9.700 lượt cán bộ, tổ chức hàng trăm đoàn công tác cho hơn 500 lượt cán bộ học tập, khảo sát tại nước ngoài.

Việc xây dựng kế hoạch, nội dung và hình thức tổ chức các chương trình đào tạo cơ bản bám sát mục tiêu chiến lược kinh doanh, yêu cầu của việc chuyển đổi mô hình tổ chức, gắn với quy hoạch và tiêu chuẩn hoá cán bộ theo chức danh, thực trạng chất lượng cán bộ toàn hệ thống; kết hợp đào tạo thường xuyên với đào tạo nâng cao, bồi dưỡng sâu theo chuyên đề, đào tạo cả về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ cho cán bộ.

Năm 2009, công tác phát triển mạng lưới và nguồn nhân lực của BIDV sẽ tiếp tục là trọng tâm để tạo nền tảng vững chắc cho việc tiến hành cổ phần hoá và xây dựng Tập đoàn trong tương lai.

## ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH DOANH 2008

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước trải qua một năm diễn biến phức tạp, hoạt động kinh doanh hiệu quả của BIDV đã chứng tỏ bản lĩnh, kinh nghiệm của một ngân hàng hàng đầu giàu truyền thống nhất Việt Nam.

Đánh giá một số mặt chính theo chuẩn mực quốc tế, BIDV đạt được những kết quả sau :

### VỐN

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2008	2007	Tăng trưởng	
1. Vốn của TCTD	10.352	9.114	1.239	13,6%
<i>a. Vốn điều lệ</i>	<i>8.756</i>	<i>7.699</i>	<i>1.057</i>	<i>13,7%</i>
<i>b. Vốn mua sắm tài sản cố định</i>	<i>1.596</i>	<i>1.415</i>	<i>182</i>	<i>12,9%</i>
2. Quỹ của TCTD	2.041	1.107	934	84,4%
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	84	55	29	52,8%
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	221	(221)	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	(2.509)	(2.092)	414	(19,8%)
<b>6. Tổng Vốn chủ sở hữu</b>	<b>9.969</b>	<b>8.405</b>	<b>1.564</b>	<b>19%</b>

#### Quy mô vốn chủ sở hữu tăng trưởng

Đến 31.12.2008, vốn chủ sở hữu của Ngân hàng đạt 9.969 tỷ đồng, tương đương 587 triệu USD tăng 19% so với 2007.

Mặc dù vốn và các quỹ của ngân hàng vẫn gia tăng qua các năm, song hệ số an toàn vốn tối thiểu - CAR tính theo báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) đạt trên 6,5% do khoản lỗ lũy kế khi ngân hàng thực hiện trích dự phòng rủi ro theo thông lệ quốc tế từ những năm trước.

### CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN

#### Quy mô tài sản tăng trưởng với cơ cấu hợp lý

Đến 31.12.2008, tổng tài sản của BIDV đạt 242.316 tỷ tương đương 14,3 tỷ đô la Mỹ. Với quy mô tổng tài sản như trên, BIDV vẫn giữ vị trí thứ 2 trên thị trường nội địa sau Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam.

Tổng tài sản năm 2008 tăng trưởng 20,3% so với năm 2007 và giảm nhẹ so với tốc độ tăng trưởng trung bình 26% trong giai đoạn từ 2004 - 2007 do quy mô tổng tài sản ngày một tăng cao.

Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản vẫn là hoạt động tín dụng với 64%. Đây là hoạt động mang lại thu nhập chủ yếu cho ngân hàng.

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2008	2007	Tăng trưởng	
Cho vay thương mại (gồm cả UTĐT)	147.506	118.380	29.577	25%
Cho vay chiết khấu giấy tờ có giá	3.219	4.574	-1.356	-30%
Cho thuê tài chính	2.501	1.501	1.000	67%
Cho vay bằng vốn ODA	6.009	5.545	464	8%
Cho vay theo chỉ định của Chính phủ, KHNN	1.246	1.967	-721	-34%
Nợ cho vay được khoanh và nợ chờ xử lý	1,2	16	-15,0	-93%
Tổng dư nợ trước DPRR	160.983	131.984	28.999	22%

Tổng dư nợ trước dự phòng rủi ro đạt 160.983 tỷ tăng 22% so với cùng kỳ, chủ yếu là tăng từ các khoản cho vay thương mại (25%), cho vay chỉ định và kế hoạch nhà nước ngày một giảm đi (đến cuối 2008 số dư chỉ còn 1.296 tỷ chiếm chưa đầy 1% dư nợ). Đặc biệt nợ cho vay được khoanh giảm chỉ còn 1,2 tỷ đồng.

Đa dạng hóa danh mục cho vay trong nhiều lĩnh vực như cơ sở hạ tầng, công nghiệp chế biến, thương nghiệp, dịch vụ, nông lâm thủy sản, khách sạn nhà hàng....

Về kỳ hạn: dư nợ ngắn hạn tiếp tục chiếm ưu thế với 59,5%, trung hạn chiếm 12,8% và dài hạn chiếm 27,7%. Cơ cấu cho vay theo loại tiền tệ không thay đổi nhiều so với 2007: 76,5% là cho vay bằng VND.

#### Chất lượng tín dụng nâng cao

Đơn vị: tỷ đồng

	2008	2007	Thay đổi			
Nợ đủ tiêu chuẩn	116.337	76,6%	86.798	72,6%	29.540	4,0%
Nợ cần chú ý	31.452	20,7%	28.005	23,4%	3.447	-2,7%
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.833	1,9%	3.427	2,9%	(594)	-1,0%
Nợ nghi ngờ	413	0,3%	212	0,2%	201	0,1%
Nợ không thu hồi được	937	0,6%	1.118	0,9%	(181)	-0,3%
<b>Tổng</b>	<b>151.972</b>	<b>100,0%</b>	<b>119.559</b>	<b>100,0%</b>	<b>32.413</b>	<b>27,1%</b>
<b>Nợ xấu</b>	<b>4.183</b>	<b>2,75%</b>	<b>4.756</b>	<b>3,98%</b>	<b>(573)</b>	<b>-1,23%</b>
<b>Tỷ lệ Quỹ DPRR/Nợ xấu</b>	<b>199%</b>		<b>134%</b>			

Ghi chú: (\*): tổng dư nợ được phân loại tại 31.12 không bao gồm cho vay ODA, cho vay theo các hợp đồng mua bán lại chứng khoán được hạch toán trong các khoản cho vay chiết khấu thương phiếu và GTCC.

Chất lượng tín dụng được nâng cao đáng kể: nợ xấu giảm và nợ tốt tăng cả về mặt số tuyệt đối và số tương đối. Tổng nợ xấu giảm 573 tỷ, tỷ lệ nợ xấu năm 2008 đã xuống dưới mức 3%. Nợ nhóm 1 tăng từ 72,6% lên 76,6% tổng dư nợ. Đặc biệt nợ không thu hồi được giảm chỉ còn 0,6% dư nợ. Đây là thành công rất đáng ghi nhận của ngân hàng trong việc kiểm soát chất lượng tín dụng trong năm 2008 là năm thực sự khó khăn đối với hoạt động tín dụng.

Bên cạnh đó, tỷ lệ quỹ dự phòng rủi ro/Tổng nợ xấu của BIDV phản ánh khả năng bù đắp rủi ro của BIDV tăng từ 134% lên 199% cho thấy khả năng tự bù đắp rủi ro ngày càng được nâng cao.

Cơ cấu tín dụng và chất lượng tín dụng nêu trên đã cho thấy hướng đi đúng đắn của ngân hàng trong việc thực thi chính sách tín dụng: kiểm soát chất lượng, đa dạng hóa khách hàng, nâng cao quản lý rủi ro tín dụng vừa đảm bảo tăng trưởng song vẫn kiểm soát tốt chất lượng tín dụng.

## KHẢ NĂNG SINH LỜI

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/08	31/12/07	So sánh	
			Tuyệt đối	Tương đối
Tổng thu nhập ròng từ các hoạt động (trước chi)				
QLKD và DPRR	8.520	7.845	675	9%
Chi quản lý kinh doanh	(3.292)	(2.638)	(654)	25%
Chênh lệch thu chi trước DPRR	5.228	5.207	21	0,4%
Chi phí DPRR	(3.087)	(3.103)	(16)	1%
Lợi nhuận trước thuế	2.142	2.104	37	2%
Lợi nhuận ròng trong năm	1.780	1.605	175	11%

### Tăng trưởng quy mô gắn liền với hiệu quả & chất lượng:

Cùng với sự tăng trưởng 20% của tổng tài sản, vốn chủ sở hữu tăng 19%, lợi nhuận ròng toàn ngành tăng trưởng 11%, tuy có thấp hơn tốc độ tăng trưởng tổng tài sản, song vẫn là kết quả đáng ghi nhận do năm 2008 là năm rất khó khăn đối với hoạt động ngân hàng. Hiệu quả hoạt động của khối ngân hàng vẫn tăng trưởng cao (lợi nhuận ròng khối ngân hàng tăng 40%), hiệu quả toàn ngành có bị ảnh hưởng do đánh giá lại chứng khoán kinh doanh của công ty con theo chuẩn mực quốc tế.

### Cơ cấu thu nhập thay đổi theo hướng tích cực

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2008		2007	
	Số tiền	Tỉ trọng	Số tiền	Tỉ trọng
1. Thu nhập ròng từ lãi	6.228	73,1%	4.851	61,8%
2. Thu nhập ròng phi lãi	1.492	17,5%	1.138	14,5%
- Hoạt động dịch vụ	1.003	11,8%	624	8,0%
- Hoạt động kinh doanh ngoại hối	791	9,3%	140	1,8%
- Hoạt động mua bán CK kinh doanh	(723)	-8,5%	144	1,8%
- Hoạt động góp vốn mua cổ phần	(8)	-0,1%	17	0,2%
- Hoạt động khác	429	5,0%	213	2,7%
3. Thu nợ hạch toán ngoại bảng	799	9,4%	1.856	23,7%
<b>4. Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>8.520</b>	<b>100%</b>	<b>7.845</b>	<b>100%</b>

Không chỉ đạt sự tăng trưởng về quy mô mà trong cơ cấu thu nhập từ các hoạt động cho thấy sự chuyển biến tích cực. Nét nổi bật là sự tăng trưởng doanh thu và tỷ trọng của hoạt động phi tín dụng. Năm 2008 thu ròng dịch vụ và kinh doanh ngoại hối đạt 1.794 tỷ, tăng 764 tỷ (~ 134%) so với 2007 góp phần đưa tỷ trọng thu từ hoạt động phi tín dụng từ mức 14,5% năm 2007 lên 17,5% tổng thu nhập. Tỷ trọng thu nhập hoạt động bất thường (thu nợ ngoại bảng) đã giảm chỉ còn chiếm 9,4% (năm 2007 là 23,7%) cho thấy thu nhập của BIDV chủ yếu từ hoạt động kinh doanh chính có khả năng tăng trưởng bền vững.

### Đảm bảo trích đủ dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng rủi ro giảm giá chứng khoán, đầu tư:

Báo cáo kiểm toán theo chuẩn mực quốc tế đã phản ánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã trích đủ dự phòng rủi ro.

Đối với chuẩn mực Việt Nam, quy định tại quyết định 493/2005/QĐ-NHNN thì đến cuối 2010 ngân hàng phải trích đủ DPRR theo quy định. Tuy nhiên, với nguyên tắc thận trọng trong 3 năm qua, BIDV luôn dành tỷ lệ lớn kết quả kinh doanh để phần đầu trích đủ dự phòng rủi ro theo quy định. Ngân hàng đã thực hiện trích đủ DPRR trong năm 2008, với mức trích là 2.554 tỷ.

Trong năm 2008, sự suy giảm của thị trường chứng khoán đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của BIDV qua việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư với việc tuân thủ nguyên tắc thận trọng, BIDV đã thực hiện trích lập toàn bộ dự phòng giảm giá đối với 100% các chứng khoán và đầu tư theo mặt bằng giá của thị trường tại thời điểm 31/12/2008.

### Các chỉ tiêu về tỷ suất sinh lời:

ROA, ROE, NIM của BIDV giảm nhẹ so với năm trước do khó khăn từ môi trường kinh doanh, mặt bằng lãi suất tăng cao và biến động bất thường trong năm 2008. Tuy nhiên với kiểm soát tốt chất lượng tài sản (tỷ lệ nợ xấu giảm từ 3,98% 2007 xuống còn 2,75% 2008) nên BIDV đạt được hiệu quả kinh doanh khả quan như đề cập ở trên.

## KHẢ NĂNG THANH KHOẢN

Chỉ tiêu	2008	2007
Dư nợ/Tiền gửi	98,5%	97,5%
TS thanh khoản/Tổng nợ phải trả	7,9%	6,6%
Tiền gửi khách hàng/Tổng nợ phải trả	70,3%	70,3%
Tăng trưởng tiền gửi	20,7%	27,1%

BIDV luôn xác định đảm bảo an toàn thanh khoản là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu mà ngân hàng cần thực hiện. Công tác quản lý thanh khoản của BIDV đã được nâng cao, cải thiện rõ rệt qua từng năm. Đặc biệt trong 8 tháng đầu năm 2008, giai đoạn khó khăn về thanh khoản của toàn nền kinh tế, nhưng tình hình thanh khoản của BIDV vẫn luôn được đảm bảo an toàn, thực hiện đủ DTBB theo quy định của NHNN và đáp ứng đủ nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh. Tuân thủ chặt chẽ các quy định về an toàn thanh khoản của NHNN và các giới hạn tỷ lệ thanh khoản do ALCO quy định.

Nền vốn của BIDV luôn được giữ ổn định, chủ yếu từ tiền gửi của cá nhân và tổ chức kinh tế và tăng trưởng đều qua các năm, cho dù điều kiện thị trường có nhiều yếu tố không thuận lợi và cạnh tranh quyết liệt từ các NHTM khác. Các tài sản nợ ngắn hạn của BIDV như vay trên Liên ngân hàng, vay NHNN, vay TCTD tuy có tăng trong năm 2008 nhưng vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng công nợ của ngân hàng.

Quản lý thanh khoản tại BIDV được thực hiện hàng ngày thông qua việc quản lý chặt chẽ dòng tiền vào ra trong toàn hệ thống theo từng loại tiền tệ (VND/USD/EUR). Thường xuyên phân tích, đánh giá, dự báo và nhận định về tình hình thị trường, mô phỏng các kịch bản thanh khoản để kịp thời đưa ra các giải pháp, ứng phó trong những tình huống khó khăn, nhạy cảm. Do đó, BIDV luôn chủ động và linh hoạt trước mọi tình huống, đảm bảo an toàn thanh khoản cho toàn hệ thống.

## NHẠY CẢM VỚI RỦI RO THỊ TRƯỜNG

### Rủi ro lãi suất

- Khe hở nhạy cảm lũy kế trên TTS

Thời điểm	Đến 3 tháng	Đến 6 tháng	Đến 9 tháng	Đến 12 tháng
<b>VND</b>				
31.01.08	-8.10%	-4.01%	-7.30%	-13.50%
30.06.08	-2.80%	-0.20%	-3.30%	-7.10%
31.12.08	-9.00%	-2.70%	1.20%	0.90%
<b>USD</b>				
31.01.08	-30.70%	-21.60%	-16.60%	-14.00%
30.06.08	-30.30%	-20.90%	-17.90%	-15.50%
31.12.08	-11.80%	7.20%	9.20%	7.30%



Nhằm giới hạn mức tổn thất giá trị tài sản ngân hàng trước những biến động lãi suất thị trường, trong năm BIDV đã xây dựng và giám sát thực hiện hạn mức khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất cho các giỏ kỳ hạn dưới 1 năm. Về cơ bản, hạn mức khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất được BIDV tuân thủ nghiêm túc.

**- Giá trị chịu rủi ro lãi suất:**

BIDV xây dựng chương trình quản lý VaR lãi suất chính thức đi vào vận hành từ tháng 9/2008. Đây là công cụ QLRR lãi suất mới được áp dụng tại BIDV, giúp đo lường mức độ tổn thất ngân hàng gặp phải từ rủi ro lãi suất, từ đó có thể giới hạn mức tổn thất tối đa, phù hợp với độ ưa thích rủi ro của ngân hàng trong từng thời kỳ.

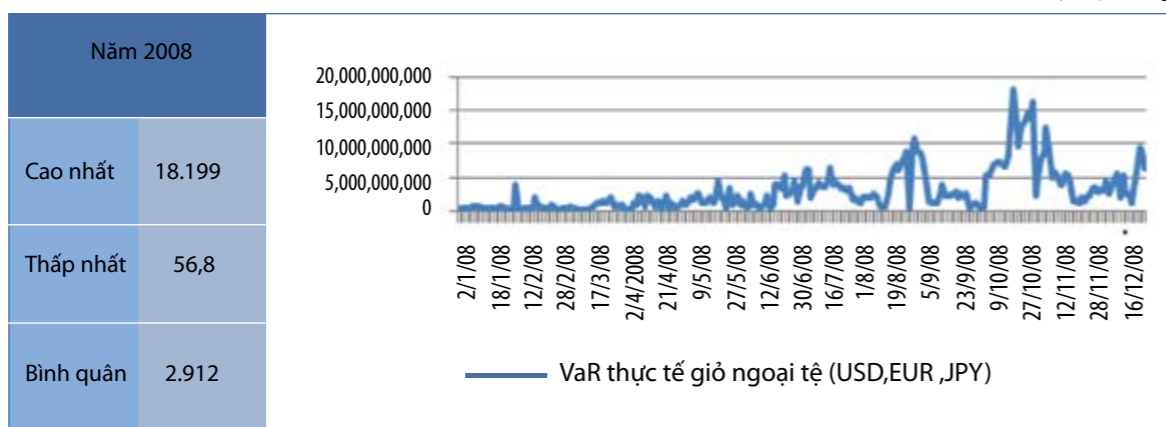
**Rủi ro ngoại hối:**

Hiện nay, để quản lý rủi ro ngoại hối, Ngân hàng đang thực hiện quản lý theo giới hạn của ALCO phê duyệt giá trị chịu rủi ro ngoại hối (VAR) đối với 3 đồng tiền chủ yếu là USD, EUR và JPY, đồng thời cũng theo dõi VAR cho cả giỏ ngoại tệ gồm 3 loại đồng tiền này.

Trong năm 2008, tỷ giá trên thị trường có những biến động tương đối mạnh, Ngân hàng đã chủ động xây dựng và giám sát hạn mức VAR ngoại hối nhằm hạn chế tối đa tổn thất trong kinh doanh.

Giá trị chịu rủi ro ngoại hối đối với cả giỏ ngoại tệ (USD, EUR, JPY): trong năm 2008, thông qua việc tính toán, theo dõi giá trị chịu rủi ro ngoại hối thực tế cho cả giỏ ngoại tệ (gồm 3 ngoại tệ BIDV nắm giữ nhiều nhất là USD, EUR, JPY) cho thấy: Mức tổn thất dự tính (có khả năng xảy ra) trong 1 ngày cho cả giỏ ngoại tệ cao nhất là 18.199 triệu đồng vào ngày 24/10/2008, thấp nhất là 56,8 triệu đồng vào ngày 04/04/2008. Mức tổn thất dự tính bình quân trong 1 ngày cho cả giỏ ngoại tệ là 2.912 triệu đồng.

Đơn vị: triệu đồng



Về cơ bản, hạn mức VAR đã được BIDV tuân thủ, một số ngày vượt hạn mức do sự biến động lớn về tỷ giá ngoại hối trên thị trường tiền tệ và biến động về trạng thái (âm ở mức cao) đều được ALCO phê duyệt.

Như vậy, thông qua đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh trên các mặt vốn, chất lượng tài sản, khả năng sinh lời, khả năng thanh khoản và quản lý rủi ro thị trường cho thấy về cơ bản hoạt động kinh doanh năm 2008 của ngân hàng đảm bảo an toàn và hiệu quả. Quy mô tổng tài sản và lợi nhuận gia tăng song vẫn đảm bảo khả năng thanh khoản, quản lý rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại hối và đặc biệt là đã nâng cao chất lượng tín dụng. Kết quả đạt được trong năm 2008 càng khẳng định bản lĩnh ngân hàng trong kinh doanh và là động lực để ngân hàng triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh 2009.

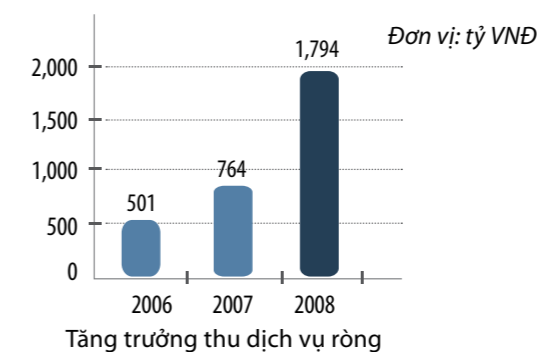
# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHÍNH 2008

## HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Tính đến 31/12/2008, thu dịch vụ ròng của toàn hệ thống đạt 1.794 tỷ đồng (gồm cả lãi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối), tăng trưởng gấp hơn 2 lần so với năm 2007 và đứng đầu trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Hiệu quả hoạt động kinh doanh dịch vụ có sự tăng trưởng rõ rệt, thu dịch vụ ròng bình quân đầu người đạt 148 triệu, tăng 80% so với năm 2007.

Các kết quả cụ thể như sau:



**a) Dịch vụ kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh**

Dịch vụ kinh doanh ngoại tệ: Năm 2008, tỷ giá USD/VND biến động mạnh mẽ tạo ra nhiều cơ hội trong hoạt động kinh doanh tiền tệ. Bằng sự linh hoạt, khả năng dự đoán và tận dụng thời cơ, hoạt động kinh doanh ngoại tệ của BIDV đã đạt kết quả tốt: thu lãi từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ đạt 791 tỷ đồng, tăng trưởng gấp 5,6 lần so với năm 2007.

Sản phẩm phái sinh: Lãi thuần từ hoạt động phái sinh năm 2008 đạt 237,930 tỷ đồng, tăng trưởng gấp 26 lần so với năm 2007.

**b) Dịch vụ Bảo lãnh**

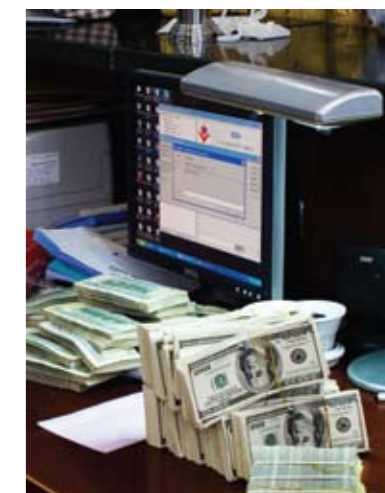
Đây là dịch vụ truyền thống và có ưu thế của BIDV, đặc biệt là bảo lãnh trong lĩnh vực xây dựng cơ bản.

Đến thời điểm 31/12/2008, thu từ dịch vụ bảo lãnh đạt 471,7 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 26% trong tổng thu từ hoạt động dịch vụ, tăng trưởng 66% so với cùng kỳ năm 2007.

**c) Dịch vụ chuyển tiền và thanh toán quốc tế**

Thu phí ròng từ hoạt động thanh toán đạt 426 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 24% trong tổng thu ròng từ hoạt động dịch vụ, tăng trưởng 42% so với năm 2007.

Hoạt động thanh toán trong nước: tương đối ổn định, tốc độ thanh toán, chuyển tiền nhanh, an toàn, chính xác, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng và nền kinh tế. Doanh số chuyển tiền trong nước đạt 1.970.398 triệu đồng, tăng trưởng 31% so với năm 2007, số lượng giao dịch chuyển tiền đi và đến trong nước đạt gần 3,4 triệu giao dịch, tăng trưởng 24% so với năm 2007. Riêng thanh toán chuyển tiền bằng ngoại tệ doanh số tăng 200% so với năm 2007.



Hoạt động chuyển tiền quốc tế: tăng trưởng tương đối tốt cả về doanh số chuyển tiền đi và chuyển tiền đến. Hiện tại BIDV đang thực hiện giao dịch chuyển tiền quốc tế thông qua hệ thống Swift, dịch vụ Western Union, thanh toán séc quốc tế, phát hành Bank draft. Các hợp đồng kiểu hối đã triển khai từ năm trước cũng có sự tăng trưởng tốt. Cụ thể:

- Chuyển tiền quốc tế đi: đạt 199.143 tỷ đồng, tăng trưởng 200% so với 2007.
- Chuyển tiền quốc tế đến: đạt 186.975 tỷ đồng, tăng trưởng 156% so với 2007.
- Dịch vụ chuyển tiền WU: Giao dịch nhận tiền tăng trưởng 59% về doanh số và 48% về thu phí dịch vụ. Giao dịch gửi tiền tăng 110% về doanh số, 116% về phí thu dịch vụ.
- Dịch vụ kiểu hối khác: Bên cạnh các giao dịch kiểu hối vãng lai, BIDV đã triển khai dịch vụ kiểu hối thông qua các hợp đồng với các đối tác như Metrobank (Đài Loan), Korean Exchange Bank, VID Public Bank, Hanabank.
- Dịch vụ séc quốc tế và Bankdraft: Doanh số thanh toán séc năm 2008 đạt 17.892 tỷ đồng. Hoạt động mua séc du lịch có dấu hiệu giảm sút (-10,8) do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế dẫn tới sự giảm lượng khách du lịch đến Việt Nam.
- Dịch vụ tài trợ thương mại: Tính đến ngày 31/12/2008, thu ròng từ dịch vụ thanh toán quốc tế đạt 153 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 9% trong tổng thu dịch vụ của BIDV.

#### d) Dịch vụ ngân quỹ

Tính đến thời điểm 31/12/2008, thu từ hoạt động ngân quỹ đạt 16,5 tỷ đồng.

#### e) Dịch vụ đại lý

Thu nhập thuần từ hoạt động đại lý năm 2008 đạt 25,4 tỷ đồng.

#### f) Hoạt động bảo hiểm

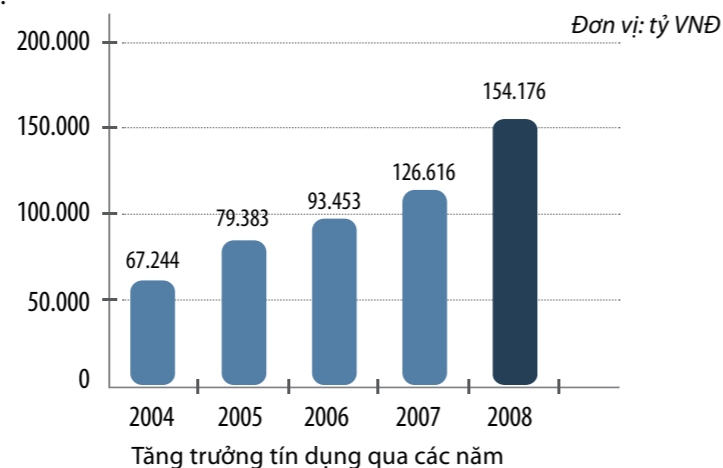
Thu từ hoạt động bảo hiểm năm 2008 đạt 134,6 tỷ đồng, tăng trưởng 28% so với năm 2007

#### g) Dịch vụ khác:

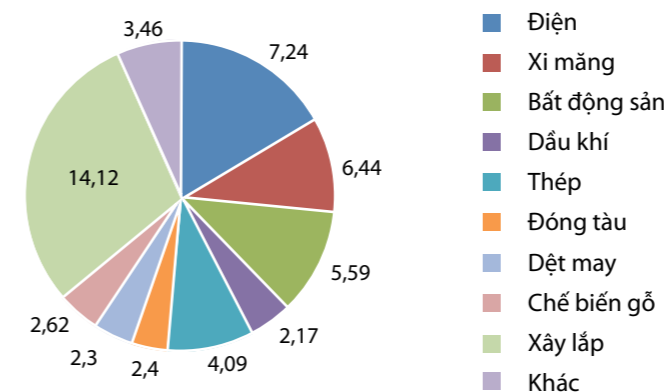
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ khác đến thời điểm 31/12/2008 đạt 130,4 tỷ, tăng trưởng 185% so với năm 2007.

## HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

Tổng dư nợ cho vay toàn hệ thống đến 31/12/2008 đạt: 154.176 tỷ đồng, tăng trưởng 21,8% so với năm 2007. Thị phần tín dụng là 12,9%, tăng 0,9% so với năm 2007 (12%).



Cơ cấu tín dụng tiếp tục được cải thiện theo chiều hướng tích cực, tổng dư nợ trên tổng tài sản đạt 64% tăng 6,4% so với năm 2007. Tỷ trọng cho vay trung dài hạn đạt 40,5%. Tỷ trọng dư nợ cho vay ngoại tệ đạt 20,1%, nếu tính cả dư nợ cho vay VND được hoán đổi sang USD, thì tỷ trọng dư nợ cho vay ngoại tệ đạt 21,7%. Đây là một thành công của BIDV trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đồng thời gia tăng thu phí dịch vụ.



Cơ cấu tín dụng theo ngành nghề

Về chất lượng tín dụng, trước những biến động khó lường của nền kinh tế, chất lượng tín dụng năm 2008 vẫn được kiểm soát chặt chẽ. Tỷ lệ nợ xấu theo kiểm toán quốc tế thời điểm 31/12/2008 là 2,75%, giảm cả về số tuyệt đối và số tương đối so với 31/12/2007. Chất lượng tín dụng được cải thiện mạnh mẽ do BIDV đã tập trung thực hiện thu nợ vay chứng khoán, thắt chặt cho vay bất động sản, cơ cấu lại các khoản nợ gặp khó khăn do tác động của khủng hoảng tài chính thế giới theo chủ trương của Chính phủ, tập trung thu nợ xấu trong bảng, đồng thời gắn với đánh giá định hạng doanh nghiệp, cho vay có chọn lọc, kiểm soát chặt chẽ tăng trưởng gắn với chất lượng tín dụng.

Về hiệu quả tín dụng, tổng thu lãi vay năm 2008 là 22,124 tỷ đồng, tăng trưởng 43% so với năm 2007. Thu nợ hạch toán ngoại bảng trong năm đạt 799 tỷ đồng, hoàn thành 130% kế hoạch đề ra, góp phần tăng vốn điều lệ ngân hàng trong năm 2008 là 1.012 tỷ đồng.

Về nền khách hàng, 2008 là năm thứ 3 BIDV triển khai thực hiện phân loại nợ và trích lập DPRR theo Điều 7 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Toàn hệ thống có 6.387 khách hàng được xếp hạng theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (tăng 769 khách hàng so với năm 2007) với tổng dư nợ là 99.335 tỷ đồng, chiếm 68% tổng dư nợ toàn hệ thống.

- Số khách hàng xếp loại A trở lên là 3.761 khách hàng chiếm 58,9 % tổng số các khách hàng đã được xếp hạng, tăng 6,5% so với năm 2007.

- Số khách hàng xếp loại từ B đến BBB là 2.509 khách hàng chiếm 39,3% tổng số các khách hàng đã được xếp hạng, giảm 5,7% so với năm 2007.

- Các khách hàng xếp hạng từ CCC trở xuống là 117 khách hàng chiếm tỷ trọng 1,8% số lượng khách hàng là doanh nghiệp được xếp hạng tín dụng nội bộ, giảm 0,76% so với năm 2007.

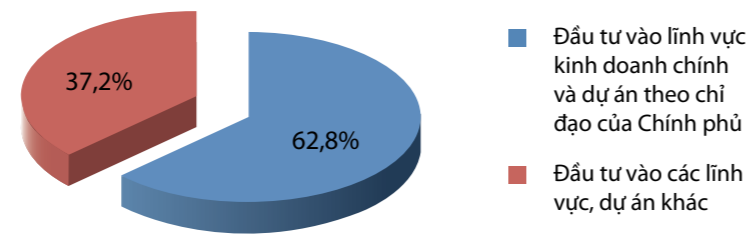
- Các khách hàng có nợ xấu là 203 khách hàng với tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ của các khách hàng được xếp hạng là 1,68 % thấp hơn tỷ lệ nợ xấu chung của toàn hệ thống.

## HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Tổng giá trị danh mục đầu tư tại thời điểm 31/12/2008 đạt 3.145 tỷ đồng, tăng 61,5% so với cùng kỳ năm 2007 và nằm trong giới hạn cho phép của NHNN. Trong đó, khối liên doanh là 1.297 tỷ đồng với tỷ trọng 39,0% và chiếm tới 52,3% mức tăng của cả danh mục. Các đơn vị đầu tư khác, bao gồm cả các dự án trọng điểm và dự án thiết yếu, đạt 1.918 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 61%. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đạt 81 tỷ đồng, bằng 69,1% mức thực hiện năm 2007. BIDV đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đầy đủ theo quy định.



Xét cơ cấu, các khoản đầu tư thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của BIDV (tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và chứng khoán) và các dự án trọng điểm theo chỉ đạo của Chính phủ chiếm 62,8% giá trị tổng danh mục, các khoản đầu tư còn lại (37,2%) chủ yếu thuộc những lĩnh vực thiết yếu của nền kinh tế như cơ sở hạ tầng, khai thác tài nguyên khoáng sản, năng lượng, hoá chất...



Danh mục đầu tư năm 2008

Một số dự án đầu tư trọng điểm đang tiếp tục triển khai trong năm 2008:

- Công ty Cổ phần Phát triển Đường Cao tốc BIDV.
- Công ty Cổ phần Điện Việt – Lào.
- Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Công ty Cổ phần Cho thuê máy bay.
- Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê.
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí.

Bên cạnh đó, BIDV đang xúc tiến triển khai một số Dự án trọng điểm của đất nước:

- Dự án Quốc lộ 51 Biên Hoà – Vũng Tàu.
- Dự án Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành.
- Dự án Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh.

Năm 2009 được dự đoán sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn, song bằng nỗ lực và sự quyết tâm cao của toàn hệ thống, BIDV tin tưởng sẽ biến khó khăn thành cơ hội để hiện thực hoá những mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.



# HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Hướng về cộng đồng là một trong những mục tiêu căn bản trong hoạt động của BIDV với tư cách là một định chế tài chính lớn. Bên cạnh nhiệm vụ kinh doanh, trách nhiệm xã hội, hướng về cộng đồng là một trong các nhiệm vụ được lãnh đạo cũng như tập thể người lao động BIDV quan tâm và dành nhiều thời gian, tâm sức cũng như nguồn lực thực hiện.

Năm 2008 là năm các hoạt động vì Cộng đồng của BIDV đạt được nhiều thành công lớn, không chỉ thể hiện ở những con số đóng góp, những công trình, những món quà mang nặng ân tình cho người nghèo mà còn ở chỗ BIDV đã tạo dựng lên một phong trào "Vì người nghèo" sâu rộng, thiết thực trong hơn 1,3 vạn cán bộ nhân viên và trong cộng đồng doanh nghiệp, bạn hàng.

Bằng nguồn vốn của mình, bằng sự đóng góp tự nguyện của người lao động, BIDV luôn tiên phong chủ động tham gia hỗ trợ công tác xã hội trên địa bàn cả nước dưới nhiều hình thức khác nhau: Hỗ trợ Y tế, Giáo dục, nhà ở cho vùng nghèo, cứu trợ thiên tai... Trong 5 năm từ 2004 đến 2008, BIDV đã dành cho công tác xã hội gần 106,5 tỷ đồng (riêng trong năm 2008 từ nguồn chi phí và các quỹ là hơn 31 tỷ đồng) dưới nhiều hình thức khác nhau như: Hỗ trợ Y tế, Giáo dục, nhà ở cho vùng nghèo, cứu trợ thiên tai...

Đơn vị: Triệu đồng

Lĩnh vực/ năm	2004	2005	2006	2007	2008	Tổng
<b>I. Từ nguồn Quỹ phúc lợi và Chi phí</b>						
Giáo dục	3.920	4.144	4.790	12.036	12.083	<b>36.973</b>
Xóa đói giảm nghèo	100	440	800	1.525	6.249	<b>9.114</b>
Các chương trình XH		550	2.860	3.740	980	<b>8.130</b>
Khắc phục thiên tai			1.167	1.490	751	<b>3.408</b>
Khác			160		11.029	<b>11.189</b>
<b>Tổng</b>	<b>4.020</b>	<b>5.134</b>	<b>9.777</b>	<b>18.791</b>	<b>31.092</b>	<b>68.814</b>
<b>II. Từ đóng góp của người Lao động (2004- 2008)</b>						
<b>Tổng cộng I +II</b>						<b>106,433</b>

Nguồn tiền trên đã tạo ra hơn 50 ngôi trường mới với quy mô hơn 400 phòng học, hàng ngàn trang thiết bị giáo dục cho các xã nghèo; Hơn 2.000 xuất học bổng cho học sinh và sinh viên nghèo vượt khó; Hơn 2.000 ngôi nhà tình nghĩa ... hàng vạn suất quà cứu trợ thiên tai, hơn 40 ca mổ tim cho trẻ em nghèo... Nguồn tiền trên cũng đã đóng góp vào việc tu bổ, tôn tạo nhiều di tích lịch sử, văn hoá, phụng dưỡng và tặng quà hàng trăm mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách, người già cô đơn, nạn nhân chất độc da cam đồng thời góp phần ủng hộ các Quỹ từ thiện xã hội của cộng đồng, trợ giúp đồng bào bị thiên tai tại Thái Lan, Cu Ba, Trung Quốc, hỗ trợ giáo dục Lào...



BIDV - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2008

Không chỉ dừng lại ở việc chủ động thực hiện chương trình, bằng tấm lòng và trách nhiệm của mình, bằng uy tín trước cộng đồng, BIDV đã thực hiện nhiều cuộc quyên góp, vận động các doanh nghiệp, bạn hàng thân thiết thực hiện các hoạt động xã hội, vừa đem lại nguồn tài trợ lớn hơn cho người nghèo, vừa tạo nên một phong trào, một nét văn hoá đẹp của cộng đồng các doanh nghiệp Việt Nam. Năm 2008, bằng chương trình An sinh xã hội – Vì người nghèo 2008, BIDV đã vận động và quyên góp từ 2.363 doanh nghiệp, hơn 15.000 khách hàng cá nhân được gần 27 tỷ đồng để hỗ trợ cho đồng bào nghèo, trong đó có đồng bào 61 huyện nghèo nhất.

Việc thực hiện công tác xã hội của BIDV trong thời gian qua luôn bảo đảm kịp thời, đúng và trúng đối tượng cần hỗ trợ. Các nguồn hỗ trợ được chuyển đến tận tay đối tượng thụ hưởng, trợ giúp ngay những nhu cầu thiết yếu của người nghèo. Từ đó tạo được sự tin tưởng và cổ vũ người đóng góp đồng thời tạo nên niềm tin của người được thụ hưởng đối với chương trình và sâu hơn là đối với chế độ.

Chia sẻ với cộng đồng chính là biểu hiện sinh động trách nhiệm xã hội của một ngân hàng thương mại hàng đầu như BIDV, và đó cũng là một thông điệp: Sẽ không còn khó khăn, nếu mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp cùng hợp lực chia sẻ.

"Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Gia Lai trân trọng gửi đến đồng chí Chủ tịch Hội đồng Quản trị, đồng chí Tổng giám đốc, tập thể Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam qua chương trình "An sinh xã hội – Vì người nghèo 2008" đã tặng đồng bào nghèo tỉnh Gia Lai 1.000.000đ (một tỷ đồng). Đây là hoạt động rất thiết thực góp phần giúp đỡ những người nghèo của tỉnh Gia Lai, giúp họ vượt qua khó khăn thiếu thốn, vươn lên từng bước xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Chúng tôi cam kết sẽ sử dụng nguồn hỗ trợ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam đúng mục đích và có hiệu quả nhất."

Thay mặt UBND tỉnh Gia Lai  
Chủ tịch  
Phạm Thế Dũng

(Trích thư cảm ơn của UBND tỉnh Gia Lai về chương trình An sinh xã hội - Vì người nghèo 2008 của BIDV)

(Trích thư cảm ơn của UBND tỉnh Nghệ An)

(Trích thư cảm ơn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)

(Trích thư cảm ơn của Cục An ninh Tây Nam Bộ)



Tặng quà tết cho đồng bào nghèo



Cùng các doanh nghiệp Việt nam tặng máy vi tính cho Quỹ khuyến học Lào



Đàn viên thanh niên BIDV hiến máu nhân đạo



Ủng hộ đồng bào bão lũ các tỉnh Tây Bắc



Tặng quà cho học sinh trường tiểu học Nguyễn Phan Vinh (Quảng Nam)



Trao quà cho trẻ em khó khăn

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

### CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH 1 - BLC1

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	
		Tuyệt đối	%/07
1. Tổng tài sản	1.192.300	1.705.000	43%
2. Dư nợ cho thuê	1.198.200	1.733.000	45%
3. Tỷ lệ nợ xấu	2.7%	2.2%	-19%
4. Quỹ Dự phòng rủi ro	32.300	60.000	86%
5. Lợi nhuận trước thuế	21.300	54.100	154%
6. ROE	6,5%	16,5%	251%

Tổng tài sản của Công ty đến 31/12/2008 đạt 1.705 tỷ đồng, tăng 43% so với năm 2007. Tổng dư nợ cho thuê tài chính đạt 1.733 tỷ đồng, tăng 45% so với năm 2007. Lợi nhuận trước thuế năm 2008 đạt 54,1 tỷ đồng, tăng 154% so với năm 2007 và bằng 115% kế hoạch. Chất lượng tín dụng của Công ty được cải thiện, tỷ lệ nợ xấu đạt 2,2%, giảm so với năm 2007. Chỉ tiêu ROE năm 2008 của Công ty ở mức tương đối tốt, đạt 16,5% tăng mạnh so với năm 2007 (6,5%). Trong năm 2008, Công ty đã khai trương thêm một phòng kinh doanh tại Bắc Hà Nội.

### CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH 2 - BLC 2

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	
		Tuyệt đối	%/07
1. Tổng tài sản	804.800	1.292.000	61%
2. Dư nợ cho thuê	813.000	1.309.400	61%
3. Tỷ lệ nợ xấu	2.9%	3.3%	13%
4. Quỹ DPRR	19.500	42.600	118%
5. Lợi nhuận trước thuế	34.400	28.100	-18%
6. ROE	10,1%	11,2%	37,2%

Tổng tài sản của Công ty đến 31/12/2008 đạt 1.292 tỷ đồng, tăng 61% so với năm 2007. Tổng dư nợ cho thuê đến 31/12/2008 đạt 1.309 tỷ đồng, tăng 61% so với năm 2007. Tỷ lệ nợ xấu đạt 3,3%. Lợi nhuận trước thuế năm 2008 đạt 28,1 tỷ đồng, bằng 134% kế hoạch. Trong năm 2008, Công ty đã thành lập thêm một chi nhánh tại Đà Nẵng.

## CÔNG TY CHỨNG KHOÁN BIDV - BSC

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	
		Tuyệt đối	%/07
1. Tổng tài sản	4.396.137	5.091.992	15,8%
2. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư, trong đó:	327.854	561.426	71,2%
- Doanh thu phí môi giới chứng khoán	72.322	27.540	-61,9%
3. Chênh lệch thu chi trước trích dự phòng giảm giá	150.512	79.408	-47,2%

Năm 2008, mặc dù thị trường chứng khoán biến động bất thường theo hướng tiêu cực song BSC đã đạt được những kết quả nhất định. Tổng tài sản đạt 5.092 tỷ đồng, doanh thu hoạt động đạt 561,4 tỷ đồng, bằng 160,4% KH và tăng 71,2% thực hiện 2007, doanh thu môi giới đạt 27,5 tỷ đồng, bằng 110,2% KH. Năm 2008 cũng đánh dấu quá trình mở rộng mạng lưới của BSC tại nhiều tỉnh thành trong cả nước. Ngoài Trụ sở chính và Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, BSC kết hợp với hệ thống Chi nhánh của Ngân hàng mẹ BIDV thiết lập mạng lưới giao dịch tại hầu hết các khu vực thị trường mục tiêu nhằm cung cấp cho khách hàng dịch vụ trọn gói thuận lợi và tối ưu. BSC cũng thành công trong triển khai nhiều dịch vụ và tiện ích mới cung cấp cho khách hàng như: dịch vụ Trading online, dịch vụ SMS và gửi kết quả giao dịch tự động qua email... Hiện BSC cũng là một trong những công ty chứng khoán đi đầu tham gia triển khai các chương trình thanh toán chứng khoán, giao dịch từ xa của Sở giao dịch và Trung tâm giao dịch chứng khoán.

## CÔNG TY QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN BIDV - BAMC

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	
		Tuyệt đối	%/07
1. Tổng tài sản	64.273	62.496	-3%
2. Nợ tiếp nhận	54.356	0	
- Lũy kế nợ từ tiếp nhận 2002 (*)	803.114	803.114	
3. Thu nợ	67.920	13.169	-80,6%
- Lũy kế thu hồi nợ từ năm 2002 (*)	125.196	138.365	10%
4. LNTT	24.777	6.684	-68,8%

BAMC được thành lập từ năm 2002 với mức vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ VNĐ và hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nhận và xử lý các khoản nợ tồn đọng của Chi nhánh BIDV phát sinh trước 31/12/2000. Sau 6 năm hoạt động, Công ty đã cơ bản hoàn thành công tác xử lý nợ xấu BIDV theo Quyết định số 149/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, góp phần lành mạnh hóa và tăng năng lực tài chính BIDV. Do vậy, năm 2008, BAMC đã không nhận chuyển giao thêm nợ mà tập trung xử lý các khoản nợ tiếp nhận từ các năm trước và nghiên cứu xây dựng để án hoạt động Công ty cho phù hợp tình hình mới.

Trong năm 2008, BAMC đã thu hồi được gần 13,2 tỷ VNĐ, nâng tổng số nợ thu hồi từ khi thành lập đến nay lên 138 tỷ VNĐ. Lợi nhuận trước thuế đạt 6,7 tỷ đồng, góp phần vào hiệu quả hoạt động kinh doanh toàn hệ thống BIDV.



## CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV - BIC



Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	
		Tuyệt đối	%/07
1. Tổng DT phí. Trong đó:	163.368	296.369	81,4%
- Doanh thu BH gốc	147.923	269.262	82,0%
- Doanh thu Tái BH	15.445	27.107	75,5%
2. Phí BH gốc/Tổng doanh thu	91%	91%	-
3. Thị phần bảo hiểm gốc	1.8%	2,5%	

Năm 2008, BIC đạt mức tăng trưởng cao về doanh thu: tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt hơn 296 tỷ đồng, tăng 81% so với năm 2007.

Xét về tốc độ tăng trưởng doanh thu bảo hiểm gốc, BIC luôn đứng trong top 3 của thị trường. Tỷ trọng doanh thu bảo hiểm gốc chiếm 91% tổng doanh thu phí và tăng 82% so với năm 2007, thị phần bảo hiểm gốc đạt 2,5% (năm 2007 là 1.8%). Theo đó, BIC đứng thứ 6 về quy mô doanh số trong tổng số các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam (năm 2007 đứng thứ 10).

Ngoài ra, năm 2008, BIC đã mở thêm 7 chi nhánh và 10 phòng KDKV, nâng tổng số chi nhánh lên 19 chi nhánh và 30 phòng KDKV và góp vốn thành lập Liên doanh Bảo hiểm Lào - Việt (LVI) tại Lào.

## NGÂN HÀNG LIÊN DOANH VID PUBLIC BANK - VPB



Đơn vị: nghìn USD

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	
		Tuyệt đối	%/07
1. Tổng TS	274.552	288.709	5.2%
2. Huy động vốn	243.055	210.020	-13.6%
3. Dư nợ tín dụng	153.782	172.888	12.4%
4. Thu dịch vụ	1.148	3.143	108%
5. Lợi nhuận trước thuế	4.771	9.727	104%
6. ROE	13%	18.2%	-

Năm 2008, VPB đã được hai Ngân hàng mẹ là BIDV và Public Bank góp bổ sung vốn điều lệ từ 20 triệu USD lên 62.5 triệu USD, nhưng chỉ số ROE bình quân vẫn đạt 18.2%, mức cao nhất của NHLĐ sau 16 năm hoạt động.

VPB cũng đã tích cực phối hợp với hai Ngân hàng mẹ tiếp thị và thực hiện các giao dịch chuyển tiền kiều hối của người lao động Việt Nam làm việc tại Malaysia. Về phát triển mạng lưới, VPB cũng đã mở thêm 1 chi nhánh mới tại chi nhánh Đồng Nai vào tháng 3/2008, nâng tổng số chi nhánh toàn hệ thống lên 7 đơn vị.

## NGÂN HÀNG LIÊN DOANH LÀO - VIỆT (LVB)

Đơn vị: nghìn USD

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	
		Tuyệt đối	%/07
1. Tổng tài sản	144.605	269.371	86%
2. Huy động TCKT&dân cư	83.467	111.013	33%
3. Dư nợ cho vay	87.113	119.490	37%
4. Quỹ DPRR	4.135	4.675	13%
5. LN trước thuế	1.208	713	-41%
6. Tỷ lệ ROA	0,58%	0,19%	
7. Tỷ lệ ROE	5,50%	3,48%	



Năm 2008, luỹ kế doanh số thanh toán giữa Việt Nam đồng/Kip Lào đạt trên 150 triệu USD, luỹ kế doanh số chuyển đổi Việt Nam đồng/Kip Lào đạt trên 1.800 tỷ đồng. Ngân hàng liên doanh Lào Việt đã đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán và dịch vụ ngân hàng của doanh nghiệp hai nước, góp phần tích cực vào việc thực thi ổn định chính sách tiền tệ vĩ mô của Chính phủ Lào và thúc đẩy quan hệ thương mại, đầu tư giữa các doanh nghiệp Việt Nam vào thị trường Lào.

## NGÂN HÀNG LIÊN DOANH VIỆT - NGA (VRB)

Đơn vị: nghìn USD

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	
		Tuyệt đối	%/07
1. Tổng tài sản	216.713	358.618	65,4%
2. Huy động vốn	184.322	293.683	59,3%
3. Dư nợ tín dụng	36.026	152.137	322,2%
4. Lợi nhuận trước thuế	640	3.993	523,9%
5. ROE (%)	2,3%	5,8%	



VRB đã thực hiện tốt vai trò là cầu nối thanh toán giữa hai nước Việt-Nga góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế thương mại đầu tư giữa hai nước như: thiết lập kênh thanh toán trực tiếp giữa Việt Nam và Liên bang Nga thông qua ngân hàng mẹ VTB với ba đồng USD, EURO và RUB, thúc đẩy các chương trình xúc tiến đầu tư, giới thiệu các dự án tại Việt Nam cho một số đối tác Liên Bang Nga có tiềm năng và hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam trong hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu với thị trường Nga..

Đến thời điểm 31/12/2008 VRB có 1 Sở Giao dịch, 3 Chi nhánh, 3 Phòng Giao dịch và đã hoàn thành mở Văn phòng đại diện tại Nga để nâng cấp thành ngân hàng con trong năm 2009.



Đơn vị: nghìn USD

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	
		Tuyệt đối	%/07
1. Tổng tài sản	1.946	2.800	43,9%
2. Tổng doanh thu:	1.796	2.080	15,8%
3. Lợi nhuận trước thuế	535	906	69,3%
4. Lợi nhuận sau thuế	535	826	54,4%
5. ROA	27,5%	32,4%	n/a
6. ROE	33,3%	35,4%	n/a

Hiện tại, BVIM đang quản lý quỹ 2 quỹ đầu tư song song tại Việt Nam là: Quỹ Đầu tư Việt Nam ("VIF") và Quỹ Đầu tư Việt Nam II ("VIF II"). VIF với quy mô 1.358 tỷ đồng, là quỹ thành viên dạng đóng với 22 nhà đầu tư là các Tập đoàn và Tổng Công ty lớn tại Việt Nam. Quỹ song sinh VIF II với quy mô tối thiểu 100 triệu USD, quỹ thành viên dạng đóng, có tư cách pháp nhân, được thiết kế riêng cho các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện đầu tư gián tiếp tại Việt Nam. Mặc dù năm 2008 nền kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn song VIF II cũng đã huy động đợt đầu 42 triệu USD theo cam kết từ các nhà đầu tư Nhật Bản và Hoa Kỳ.

### CÔNG TY LIÊN DOANH THÁP BIDV

Công ty liên doanh Tháp BIDV được thành lập năm 2005 với số vốn điều lệ đăng ký là 13.102.000 USD. Công ty Liên doanh được thành lập nhằm triển khai xây dựng, vận hành và quản lý khai thác Tháp BIDV tại địa điểm 194 Trần Quang Khải, Hà Nội. Tháp BIDV, với chiều cao 25 tầng dự kiến sử dụng kinh doanh vào các loại: văn phòng cao cấp...theo tiêu chuẩn văn phòng hạng A, sẽ là nơi đặt trụ sở chính của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV, là biểu tượng cho sự phát triển mạnh mẽ và hội nhập quốc tế của BIDV trong tương lai.

Năm 2008, Công ty liên doanh Tháp BIDV đã hoàn thành gói thầu Móng và phần ngầm, bắt đầu thi công gói thầu phần Thân và lắp đặt thiết bị. Đến 31/12/2008, toà tháp đã cơ bản hoàn thành phần thô đến tầng 23. Công ty liên doanh đã lựa chọn CBRE là đơn vị tư vấn chuyên nghiệp, có uy tín để thực hiện tiếp thị cho thuê và quảng bá hình ảnh cho toà tháp. Đồng thời Công ty liên doanh cũng đang tích cực phối hợp với các bên tư vấn và đơn đốc các nhà thầu để đẩy nhanh tiến độ thi công gói thầu phần Thân và lắp đặt thiết bị để có thể sớm hoàn thành công tác xây dựng và khánh thành toà tháp vào quý 3 năm 2009.



## Nhóm chỉ tiêu về quy mô

- Tăng trưởng tổng tài sản: 21%.
- Tăng trưởng huy động vốn cuối kỳ: 23%.
- Tăng trưởng tín dụng cuối kỳ: 25%.

## Nhóm chỉ tiêu hiệu quả

- ROA: > 1%.
- ROE: > 18%.
- CAR: > 9%.

## Nhóm chỉ tiêu cơ cấu, chất lượng

- Tỷ lệ nợ xấu: < 3%.

## NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2009

- Thực hiện tốt nhất công tác chuẩn bị và sẵn sàng cho quá trình cổ phần hóa, trong đó thực hiện tốt các công việc Định giá xác định giá trị doanh nghiệp; Hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Lựa chọn và chào bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược tiềm năng; Phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng và niêm yết trong nước.

- Tập trung, nỗ lực, phấn đấu hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh 2009; Duy trì mức tăng trưởng và đột phá, vượt trội trong hiệu quả, chất lượng, phấn đấu đạt chuẩn mực quốc tế về các chỉ số CAR, ROA, ROE, tỷ lệ nợ xấu trước thời điểm phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

- Tích cực triển khai các giải pháp về kích cầu đầu tư, tiêu dùng và xúc tiến xuất khẩu của Chính phủ, hỗ trợ thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng trong nước kích thích tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và tạo đà cho các mục tiêu phát triển bền vững dài hạn; tập trung ưu tiên vào các lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng quan trọng như cảng, cầu, đường, sân bay; năng lượng, khai thác khoáng sản; thủy điện, nhiệt điện lớn, hệ thống truyền tải điện; xuất khẩu gạo, thủy hải sản, đồ gỗ, cà phê, cao su, dệt may, giày dép...

- Đẩy mạnh các mặt, các lĩnh vực hoạt động kinh doanh, nhất là hoạt động ngân hàng bán lẻ. Thực hiện củng cố và phát triển hệ thống công nghệ thông tin, phát triển sản phẩm dịch vụ.... Đồng thời cơ cấu mô hình tổ chức, quản lý theo khách hàng, theo dòng sản phẩm.

- Nâng cao năng lực quản trị rủi ro: chuẩn hoá các quy trình, thủ tục quản lý và tác nghiệp, hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo quản lý nội bộ phục vụ công tác quản trị điều hành.

- Tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh các lĩnh vực hoạt động kinh doanh có lợi thế cạnh tranh và có hiệu quả; Nâng cao năng lực tài chính và năng lực cạnh tranh; Áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong quản trị điều hành.

- Thực hiện việc kiểm soát để giảm nợ nhóm II xuống dần với thông lệ (10-12%); tập trung chỉ đạo công tác thu nợ xấu ngoại bảng để tăng tiềm lực tài chính cho hệ thống; triển khai nghiêm túc việc định hạng tín dụng nội bộ từ phân loại đánh giá khách hàng, trích dự phòng rủi ro và xử lý nợ trong bảng; quản trị rủi ro tín dụng, kiểm soát chặt chẽ kinh doanh tín dụng đối với những khoản dư nợ mới phát sinh, tăng thêm; đảm bảo mục tiêu cắt giảm lãi treo so với năm 2008.

- Phát triển chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ vừa có năng lực chuyên môn vừa có đạo đức nghề nghiệp và đảm bảo các lợi ích của người lao động; đảm bảo an sinh xã hội; xây dựng, phát triển thương hiệu - văn hóa BIDV.

- Phát triển mạng lưới kênh phân phối sản phẩm, đa dạng hóa lĩnh vực đầu tư từng bước gia tăng ảnh hưởng và giá trị của BIDV trên thị trường tài chính, tập trung định hình và hoàn thiện mạng lưới kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư các dự án có ưu thế trong cạnh tranh sau khi Việt Nam gia nhập WTO ở các lĩnh vực: Năng lượng, hạ tầng kỹ thuật, cảng biển, bất động sản.

- Xây dựng chiến lược phát triển CNTT đến 2010; dự án hiện đại hoá ngân hàng giai đoạn 2008-2012 và tầm nhìn đến 2015; Xây dựng hệ thống thông tin quản lý MIS hiện đại đáp ứng nhu cầu thông tin, báo cáo chỉ đạo điều hành của Ban lãnh đạo tại HSC và các chi nhánh ở những phân hệ nghiệp vụ chủ chốt.

Khởi động dự án từ đầu năm 2007, ngay sau khi Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 03/TB-VPCP ngày 04/01/2007 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp thường trực Chính phủ đối với chương trình cổ phần hoá các Ngân hàng thương mại nhà nước, BIDV đã nhanh chóng thành lập và hoàn thiện bộ máy triển khai Dự án, xây dựng Kế hoạch chi tiết cổ phần hoá BIDV và đặc biệt tháng 7/2007 đã thực hiện được nhiệm vụ trọng tâm là lựa chọn Tư vấn cổ phần hoá Morgan Stanley, một trong những định chế tài chính hàng đầu thế giới, để triển khai các nội dung của Hợp đồng tư vấn tài chính.

Sau hai năm triển khai một cách chủ động và tích cực, với sự trợ giúp của các cơ quan Bộ và Chính phủ, đến nay Ngân hàng ĐT&PT VN đã đạt được những bước tiến quan trọng trong quá trình chuẩn bị cho cổ phần hóa, hoàn thành cơ bản các cấu phần của Dự án với sự hỗ trợ từ phía Tư vấn Morgan Stanley:

- Hoàn thành việc đánh giá khảo sát thực trạng bao gồm khảo sát về hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, pháp lý và xây dựng kho dữ liệu tập trung về hoạt động của ngân hàng;

- Hoàn thành cơ bản việc xác định giá trị doanh nghiệp BIDV theo các phương pháp định giá theo thông lệ quốc tế; triển khai định giá theo phương pháp tài sản bảo đảm yêu cầu theo quy định tại Nghị định 109/2007/NĐ-CP về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần;

- Hoàn thành tiêu chí và xác định quy trình, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và danh sách các nhà đầu tư chiến lược tiềm năng; hoàn thành cơ bản Bản công bố thông tin (IM) để cung cấp cho nhà đầu tư;

- Hoàn thành dự thảo phương án cổ phần hóa chi tiết và đã được tư vấn Morgan Stanley đưa ý kiến, tiến hành hiệu chỉnh theo ý kiến của tư vấn;

- Xây dựng kế hoạch, chương trình phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng trong nước và đang triển khai các công việc chuẩn bị cần thiết bảo đảm IPO vào thời điểm thích hợp theo đúng chỉ đạo của Chính phủ.

Trong bối cảnh năm 2008 có nhiều khó khăn thử thách về môi trường kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính, BIDV tập trung nâng cao năng lực tài chính, cải thiện hoạt động, tranh thủ điều kiện để chuẩn bị tốt hơn cho quá trình cổ phần hóa:

## Một là, tiếp tục là nhà cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu tại Việt nam và mở rộng hoạt động ra quốc tế:

Hoạt động của BIDV không ngừng được tăng trưởng về quy mô, củng cố thị phần và tiếp tục đa dạng hóa hoạt động trong nước và nước ngoài. Năm 2008, tốc độ tăng trưởng huy động vốn của BIDV đạt 27,3% (cao hơn mức trung bình hệ thống là 21.5%), tín dụng tăng trưởng 21,8% (tương đương mức trung bình hệ thống). Sản phẩm dịch vụ ngân hàng cũng được đa dạng hóa và nâng cao chất lượng, tăng thêm nhiều tiện ích mới để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Mạng lưới kênh phân phối sản phẩm dịch vụ phi truyền thống tiếp tục được mở rộng, là nền tảng quan trọng để BIDV phát triển mạnh mẽ dịch vụ ngân hàng bán lẻ trong tương lai.

Để chuẩn bị sẵn sàng cho quá trình hội nhập toàn bộ và sâu rộng với nền kinh tế thế giới khi lộ trình mở cửa lĩnh vực tài chính ngân hàng đang đến gần theo cam kết gia nhập WTO, thực hiện chương trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước đã được Chính phủ Việt Nam phê duyệt, trong năm 2008, BIDV đã tích cực thực hiện các công tác một cách tổng thể và toàn diện để có thể tiến hành cổ phần hóa và phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng tại thời điểm thích hợp.



Bên cạnh đó, BIDV không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác tại Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông, Nga và các nước Đông Âu. Hiện tại BIDV đang triển khai hoạt động của công ty liên doanh bảo hiểm Việt – Lào tại Lào và BIDV International tại Hồng Kông.

#### Hai là, lành mạnh hóa tình hình tài chính, triệt để xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng hoạt động hướng tới chuẩn mực quốc tế:

Nỗ lực tối đa trong quá trình lành mạnh hóa tình hình tài chính, đến cuối năm 2008, tỷ lệ nợ xấu theo Điều 7 Quyết định 493 đã được kiểm soát ở mức 2,75% (giảm so với mức 3,98% hồi đầu năm). Chất lượng tín dụng được cải thiện mạnh mẽ do năm 2008 BIDV đã tập trung thực hiện kiểm soát chặt chẽ cho vay chứng khoán, bất động sản; tập trung thu hồi nợ xấu; đồng thời gắn với đánh giá định hạng doanh nghiệp, cho vay có chọn lọc, kiểm soát chặt chẽ tăng trưởng gắn với chất lượng tín dụng. Bên cạnh đó, BIDV cũng chú trọng nâng cao năng lực về vốn, đảm bảo hệ số an toàn vốn CAR đạt mức 8,94% theo quy định của NHNN. Hiệu quả hoạt động được nâng cao, ROA đạt 0,80%, ROE đạt 19,38%, hoạt động dịch vụ có sự tăng trưởng đột phá, thu dịch vụ ròng đạt 1.794 tỷ đồng, tăng trưởng 131% so với năm 2007 và chiếm 34% tổng thu nhập ròng sau phân bổ chi phí DPRR, đưa BIDV trở thành ngân hàng có số thu dịch vụ ròng lớn nhất trong khối các ngân hàng thương mại Nhà nước.

#### Ba là, đổi mới công tác quản trị điều hành, quản lý kinh doanh và mô hình hoạt động:

Năm 2008, BIDV đã tập trung đổi mới mô hình tổ chức, mô hình hoạt động theo dự án TA2 phù hợp với đặc điểm môi trường, tập quán kinh doanh của Việt Nam, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý ngân hàng thương mại hướng theo thông lệ và chuẩn mực hiện đại, tạo bước đột phá nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng phục vụ khách hàng, đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung và quản trị rủi ro. Tháng 9/2008, BIDV đã chính thức đưa vào vận hành mô hình tổ chức mới của Hội sở chính làm cơ sở quan trọng để xây dựng Hội sở chính đáp ứng được yêu cầu điều hành ngân hàng thương mại hướng theo thông lệ và chuẩn mực hiện đại,

Đồng thời, năng lực quản trị điều hành của các cấp lãnh đạo cũng được nâng cao theo mô thức quản lý của ngân hàng hiện đại, đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi hệ thống. BIDV đã xây dựng và phát triển các hệ thống quản trị chuyên nghiệp phù hợp với thông lệ quốc tế và trình độ của ngân hàng Việt Nam như phát triển các hệ thống quản lý rủi ro, quản lý tín dụng, quản lý tài sản Nợ - tài sản Có, hệ thống thông tin quản lý, thông tin quản trị điều hành (MIS)... để tăng cường năng lực quản lý rủi ro, bảo đảm an toàn và hiệu quả kinh doanh.

#### Bốn là, phát triển mạng lưới tại các địa bàn có nhiều tiềm năng, giúp BIDV có nhiều lợi thế trong kinh doanh:

Trong năm 2008, BIDV đã thực hiện thành lập thêm 5 chi nhánh tại địa bàn TP Hà Nội, nâng tổng số đơn vị giao dịch lên 508 điểm. Phát triển kênh phân phối ngân hàng hiện đại, đến 31/12/2008 BIDV đã có 1.000 máy ATM và 833 điểm POS phân bố chủ yếu tại các Thành phố lớn, trong đó riêng 2 địa bàn Hà Nội, TP Hồ Chí Minh chiếm 37% và 31% tổng số lượng máy ATM, POS của toàn hệ thống. Mở thêm 7 chi nhánh BIC nâng mạng lưới bảo hiểm của hệ thống là 19 Chi nhánh và 30 phòng kinh doanh. Đặc biệt tiếp tục thực hiện Hiệp định hợp tác song phương với Chính phủ Lào, BIDV đã thành lập và chính thức đưa vào hoạt động Công ty liên doanh bảo hiểm Việt-Lào tại Viêng – chăn.

#### Năm là, hiện đại hóa công nghệ là nền tảng để phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng:

Hoạt động CNTT trong năm qua đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc thực hiện và hỗ trợ vận hành hệ thống CNTT của BIDV hoạt động ổn định, an toàn, thông suốt. Điểm nhấn trong năm 2008, BIDV đã đưa vào sử dụng trung tâm dự phòng thảm họa, là ngân hàng thương mại đầu tiên trong hệ thống xây dựng và hoàn thiện hệ thống quan trọng này, ký thỏa thuận hợp tác với IBM hỗ trợ xây dựng chiến lược phát triển thông tin của BIDV giai đoạn 2006 – 2010. Thực hiện kết nối thành công hệ thống thanh toán thẻ với 7 ngân hàng thương mại trong nước thông qua Banknetvn và Smartlink và các ngân hàng nước ngoài (thông qua VISA). Đây là bước tiến quan trọng để phát triển các dịch vụ khách hàng cá nhân, là một phần kết quả của việc nâng cao và củng cố hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin BIDV.

#### Sáu là, thực hiện minh bạch hóa thông tin:

Để tăng cường tính minh bạch về thông tin tài chính với Nhà nước và các đối tác kinh doanh trong và ngoài nước, năm 2008 là năm thứ 13 liên tiếp BIDV đã thực hiện kiểm toán bởi công ty kiểm toán quốc tế độc lập theo cả 2 tiêu chuẩn kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Đồng thời đây cũng là năm thứ 4 BIDV chủ động thực hiện đánh giá và xếp hạng tín nhiệm theo chuẩn mực quốc tế do tổ chức Moody's thực hiện.

Xác định cổ phần hoá là một trong những trọng tâm của năm 2009, BIDV sẽ tập trung mọi nguồn lực để thực hiện thành công, làm cơ sở để xây dựng mô hình tập đoàn tài chính ngân hàng đa năng, hiện đại.



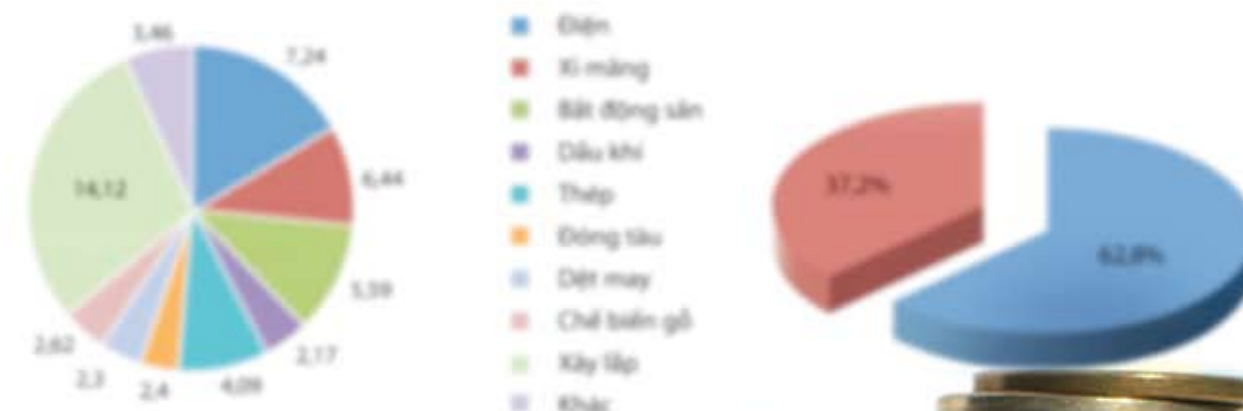
## CHIẾN LƯỢC SAU IPO

1. Tiếp tục là nhà cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu tại Việt Nam, chú trọng cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho thị trường mục tiêu đã lựa chọn.
2. Phát triển mạng lưới kênh phân phối sản phẩm, mở rộng hoạt động ra nước ngoài.
3. Thực hiện thành công kế hoạch Cổ phần hóa.
4. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngân hàng, tăng trưởng trên cơ sở bền vững.
  - Đạt được cơ cấu tài sản nợ - tài sản có hợp lý dựa trên xác định mức tăng trưởng ổn định
  - Đa dạng hóa danh mục đầu tư, nâng cao chất lượng tài sản
  - Tăng cường khả năng sinh lời
  - Nâng cao năng lực tài chính, khả năng trích lập DPRR và tự bù đắp rủi ro
5. Áp dụng các thông lệ tốt nhất, tập trung vào cơ cấu lại tổ chức và quản lý, nâng cao năng lực quản trị điều hành
6. Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro tiên tiến đảm bảo cho phát triển bền vững
7. Phát triển các sản phẩm dịch vụ và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng
8. Xây dựng và phát triển mạng kinh doanh dịch vụ ngân hàng bán lẻ mạnh mẽ và hiệu quả.
9. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đảm bảo các lợi ích của người lao động; xây dựng, phát triển thương hiệu - văn hóa BIDV
10. Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

### Các mục tiêu định lượng lớn giai đoạn 2009-2010:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng tài sản: 21-23%/năm
- Tốc độ tăng trưởng bình quân tín dụng thương mại: 23-25%/năm
- Tốc độ tăng trưởng bình quân huy động vốn: 23-27%/năm
- Tỷ lệ tín dụng/huy động vốn ở mức: 78%-82%
- Tỷ lệ dư nợ tín dụng rỗng/tổng tài sản ở mức 64%-67%.
- Tốc độ tăng trưởng bình quân thu nhập từ dịch vụ rỗng: 50%/năm
- Tốc độ tăng trưởng bình quân lợi nhuận sau thuế: > 49%/năm
- Tỷ lệ nợ xấu: <3%
- ROA: đến năm 2010 >1,2%
- ROE: đến năm 2010 > 16-18%%
- Thực hiện hệ số CAR theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và phấn đấu chỉ số CAR đến năm 2010 đạt mức 10%
- Trích đủ DPRR theo quy định.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN HỢP NHẤT



Số tham chiếu: 60755046/13537148

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") và các công ty con bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất, các chính sách kế toán có liên quan và các thuyết minh đi kèm (sau đây gọi tắt là "các báo cáo tài chính hợp nhất") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, như được trình bày từ trang 3 đến trang 72.

### Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành của Ngân hàng có trách nhiệm lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Các trách nhiệm này bao gồm: xây dựng, triển khai và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp nhằm để lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất một cách hợp lý và không có những sai sót trọng yếu, do gian lận hay thiếu sót; lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp; và thực hiện các ước tính kế toán một cách hợp lý trong từng trường hợp cụ thể.

### Trách nhiệm của công ty kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Ngoại trừ vấn đề như được trình bày dưới đây, chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu.

Việc kiểm toán bao gồm thực hiện các quy trình kiểm toán nhằm để thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thông tin trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Các quy trình kiểm toán do Công ty Kiểm toán lựa chọn dựa trên các kết quả đánh giá bao gồm đánh giá mức độ rủi ro của những sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay thiếu sót. Khi thực hiện các đánh giá này, Công ty Kiểm toán xem xét các quy trình kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất một cách hợp lý nhằm để xây dựng các quy trình kiểm toán phù hợp với điều kiện cụ thể nhưng mục đích của kiểm toán không phải nhằm để đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp bằng chứng đầy đủ và phù hợp cho ý kiến kiểm toán.

### Vấn đề ngoại trừ

Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt (sau đây được gọi tắt là "Trái phiếu") đã được Chính phủ Việt Nam cấp trong năm 2003 để tăng vốn điều lệ cho Ngân hàng. Các Trái phiếu này được ghi nhận ban đầu và tiếp tục theo dõi trên sổ sách kế toán theo mệnh giá với tổng giá trị là 1.350.000 triệu đồng. Việc hạch toán như vậy không tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 39 ("IAS 39") – Các Công cụ Tài chính: Ghi nhận và Xác định Giá trị, theo đó, tất cả các tài sản tài chính phải được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý. Do ở Việt Nam chưa có thị trường đầy đủ cho Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt nên không thể xác định một cách chính xác giá trị hợp lý của chúng. Thực hiện các quy trình kiểm toán thay thế, chúng tôi đã áp dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền sử dụng lãi suất sau thuế ước tính 5,76%/năm của các trái phiếu Chính phủ Việt Nam khác để ước tính thì giá trị hợp lý của các Trái phiếu là 961.550 triệu đồng tại ngày Ngân hàng nhận các Trái phiếu này. Như vậy, giá trị hợp lý của các Trái phiếu thấp hơn so với mệnh giá ghi nhận trong các báo cáo tài chính hợp nhất và dẫn đến khoản giảm giá trị 388.450 triệu đồng tại ngày Ngân hàng nhận Trái phiếu.

Sau khi ghi nhận ban đầu, IAS 39 cũng yêu cầu Ngân hàng xác định giá trị của Trái phiếu vào các năm kế tiếp theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Theo đó, chúng tôi ước tính giá trị phân bổ của các Trái phiếu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 1.022.337 triệu đồng (2007: 1.008.782 triệu đồng). Giá trị này thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng trong các báo cáo tài chính hợp nhất số tiền là 327.663 triệu đồng và lỗ lũy kế cũng bị ghi thấp hơn một khoản như vậy tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 và của các năm tài chính trước chưa phản ánh giá trị hợp lý, khoản giảm giá trị và ảnh hưởng của việc ghi nhận tiếp theo của các Trái phiếu theo phương pháp giá trị phân bổ theo hướng dẫn của IAS 39.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 10 tháng 4 năm 2009

Chỉ tiêu	Thuyết minh	IFRS		VAS	
		2008	2007	2008	2007
<b>TÀI SẢN</b>		<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý		2.303.873	1.975.966	2.303.873	1.975.966
Tiền gửi tại NHNN Việt nam		12.620.934	8.758.166	12.620.934	8.758.166
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác		3.388.992	1.982.383	3.388.992	1.982.383
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác		26.526.053	24.195.327	26.427.337	24.006.514
Dự phòng cho vay TCTD khác		(141.430)	-	(196.596)	(55.166)
Chứng khoán kinh doanh	2	2.140.084	859.744	2.025.340	781.686
Chứng khoán sẵn sàng để bán	3	30.001.819	27.142.529	29.303.516	25.502.935
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán		-	-	(259.460)	(860)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đến hạn	4	2.350.850	2.309.729	2.350.850	2.309.729
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		3.557	31.644	3.557	31.644
Cho vay khách hàng sau khi trừ DPRR		154.175.792	126.616.811	156.870.045	129.079.350
Trong đó: Cho vay khách hàng	5	162.522.200	133.004.621	160.982.520	131.983.554
<i>Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng</i>	6	<i>(8.346.408)</i>	<i>(6.387.810)</i>	<i>(4.112.475)</i>	<i>(2.904.204)</i>
Đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư dài hạn	7	1.642.421	832.084	2.753.072	2.251.228
Tài sản cố định hữu hình		1.002.265	900.599	1.002.265	900.599
Tài sản cố định vô hình		498.337	355.931	498.337	355.931
Tài sản cố định thuê tài chính		508.203	496.694	508.203	496.694
Tài sản thuê thu nhập DN hoãn lại		38.222	-	-	-
Tài sản có khác		5.255.662	4.924.469	6.894.058	6.134.349
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>242.315.634</b>	<b>201.382.076</b>	<b>246.494.323</b>	<b>204.511.148</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>					
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Các khoản nợ CP và NHNN		17.109.318	18.239.527	16.985.613	18.229.032
Tiền gửi KKH của các TCTD khác		1.414.214	3.765.871	1.414.214	3.765.871
Tiền gửi CKH và đi vay các TCTD khác		7.405.116	4.179.756	7.349.598	4.120.972
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	8	166.290.689	138.233.599	163.396.947	135.335.702
Phát hành giấy tờ có giá		18.251.809	6.682.839	17.650.692	6.521.758
Các nguồn vốn vay khác		15.408.249	18.311.186	15.130.369	18.088.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp		290.757	358.746	262.071	358.746
Các khoản lãi và phí phải trả		185	10.145	3.952.147	3.360.918
Các khoản nợ khác		6.176.624	2.853.621	6.886.572	2.753.076
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>232.346.961</b>	<b>192.635.290</b>	<b>233.028.223</b>	<b>192.534.745</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>					
Vốn điều lệ		8.755.818	7.699.147	8.755.818	7.699.147
Vốn mua sắm TSCĐ		1.596.870	1.414.893	1.596.870	1.414.893
Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính		84.329	55.181	84.329	55.181
Các quỹ dự trữ		2.041.125	1.106.640	2.088.791	1.207.185
Quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán		-	221.310	-	-
Lợi nhuận để lại/Lỗ lũy kế		(2.509.469)	(2.091.995)	940.292	1.258.387
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>9.968.673</b>	<b>8.405.176</b>	<b>13.466.100</b>	<b>11.634.793</b>
<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>-</b>	<b>341.610</b>	<b>-</b>	<b>341.610</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>242.315.634</b>	<b>201.382.076</b>	<b>246.494.323</b>	<b>204.511.148</b>

Chỉ tiêu	Thuyết minh	IFRS		VAS	
		2008	2007	2008	2007
<b>THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản tương tự	9	22.124.352	15.431.166	22.139.155	15.436.384
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	9	(15.895.605)	(10.579.935)	(15.895.605)	(10.579.935)
<b>THU NHẬP LÃI THUẦN</b>		<b>6.228.747</b>	<b>4.851.231</b>	<b>6.243.550</b>	<b>4.856.449</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	10	1.260.454	791.396	1.260.454	791.396
Chi phí hoạt động dịch vụ	10	(257.566)	(167.206)	(257.566)	(167.206)
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng	11	790.779	139.647	790.779	139.647
Thu nhập từ mua bán chứng khoán	12	(680.752)	195.113	(838.813)	159.830
Thu nhập từ hoạt động khác		562.478	189.920	1.361.913	2.040.945
Chi phí hoạt động khác		(175.231)	(26.786)	(175.231)	(26.786)
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		<b>7.728.909</b>	<b>5.973.315</b>	<b>8.385.086</b>	<b>7.794.275</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>					
Chi phí nhân viên		(1.976.002)	(1.544.972)	(1.876.002)	(1.290.968)
Chi phí khấu hao		(310.972)	(273.626)	(310.972)	(273.626)
Chi phí hoạt động khác		(1.004.746)	(820.227)	(1.286.404)	(820.227)
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>(3.291.720)</b>	<b>(2.638.825)</b>	<b>(3.473.378)</b>	<b>(2.384.821)</b>
Thu nhập cổ tức và phân chia lãi lỗ theo phương pháp vốn CSH các khoản đầu tư và công ty liên doanh, liên kết		(7.588)	16.629	(7.588)	16.629
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(2.553.515)	(3.368.071)	(2.719.020)	(3.446.172)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng		7.287	265.051	165.505	48.335
Thu hồi nợ xấu xử lý ngoại bảng		799.435	1.856.243	-	-
Chi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		(541.118)	(860)	-	-
<b>THU NHẬP HỖKD TRƯỚC THUẾ</b>		<b>2.141.690</b>	<b>2.103.482</b>	<b>2.350.605</b>	<b>2.028.246</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(371.213)	(496.830)	(371.213)	(496.830)
Thuế thu nhập DN hoãn lại		9.536	-	-	-
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>		<b>1.780.013</b>	<b>1.606.652</b>	<b>1.979.392</b>	<b>1.531.416</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	(1.907)	-	(1.907)
<b>Lợi nhuận ròng trong năm</b>		<b>1.780.013</b>	<b>1.604.745</b>	<b>1.979.392</b>	<b>1.529.509</b>

Chỉ tiêu	IFRS		VAS	
	2008	2007	2008	2007
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>Triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương	21.631.244	14.960.406	21.646.047	14.965.624
Chi phí lãi và các chi phí tương đương	(15.304.376)	(9.759.190)	(15.304.376)	(9.759.190)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.002.888	624.190	1.002.888	624.190
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	790.779	139.647	790.779	139.647
Thu nhập thuần từ chứng khoán kinh doanh	(866.172)	109.911	(621.513)	110.771
Thu nhập thuần từ kinh doanh chứng khoán sẵn sàng để bán	42.160	49.919	(217.300)	49.059
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý	50.779	1.829.576	50.779	1.829.576
Thu nhập/(chi phí) khác	1.137.489	(574.200)	1.137.489	(574.200)
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(2.957.019)	(1.096.516)	(2.679.100)	(1.096.516)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(477.570)	(85.902)	(477.570)	(85.902)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>	<b>5.050.202</b>	<b>6.197.841</b>	<b>5.328.123</b>	<b>6.203.059</b>
<b>(Tăng)/Giảm tài sản hoạt động</b>				
Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	2.311.464	(298.260)	1.113.598	(4.227.623)
Đầu tư về chứng khoán	(4.799.922)	(13.235.325)	(2.876.422)	(10.756.284)
Công cụ TC phái sinh và các TSTC khác	28.086	(31.644)	28.086	(31.644)
Cho vay và ứng trước khách hàng	(30.417.291)	(35.244.943)	(28.998.967)	(33.344.016)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu	-	-	(1.418.326)	(1.900.927)
Tài sản khác	279.837	(745.378)	279.837	(745.387)
<b>Tăng/(Giảm) công nợ hoạt động</b>				
Tiền gửi và tiền vay từ BTC và NHNN	1.896.990	1.214.804	(1.243.419)	2.331.392
Tiền gửi có kỳ hạn và tiền vay từ các TCTD khác	1.091.231	2.216.597	798.260	5.212.180
Các nguồn vốn vay khác	8.170.634	1.322.119	8.170.634	1.322.119
Tiền gửi của khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	28.061.246	28.839.826	28.061.246	28.839.826
Các công nợ khác	2.818.983	658.591	2.531.745	948.632
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng trong) hoạt động kinh doanh</b>	<b>14.491.460</b>	<b>(9.105.772)</b>	<b>11.774.394</b>	<b>(6.148.673)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Mua sắm tài sản cố định	(703.873)	(563.249)	(703.873)	(563.249)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	5.216	1.797	5.216	1.797
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(793.907)	(1.463.109)	(767.071)	(1.463.109)
Cổ tức nhận được trong năm	102.728	70.965	102.728	65.747
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng trong) hoạt động đầu tư</b>	<b>(1.389.836)</b>	<b>(1.953.596)</b>	<b>(1.363.000)</b>	<b>(1.958.814)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tăng vốn điều lệ do Chính phủ cấp bổ sung trong kỳ	19.231	1.691.500	19.231	1.691.500
Tăng vốn điều lệ từ thu hồi nợ thương mại đã xử lý	799.435	-	799.435	-
Tăng vốn điều lệ từ lãi trái phiếu CPDB	44.550	44.550	44.550	44.550
Sử dụng các quỹ trong năm	(9.319)	(231.988)	-	(231.989)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng trong) hoạt động tài chính</b>	<b>853.897</b>	<b>1.504.062</b>	<b>863.216</b>	<b>1.504.061</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>13.955.521</b>	<b>(9.555.306)</b>	<b>11.274.610</b>	<b>(6.603.426)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tại thời điểm đầu kỳ</b>	<b>5.970.323</b>	<b>15.525.629</b>	<b>29.429.216</b>	<b>36.032.642</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tại thời điểm cuối kỳ</b>	<b>19.925.844</b>	<b>5.970.323</b>	<b>40.703.826</b>	<b>29.429.216</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO IFRS

## 1. TÓM TẮT CÁC CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN CHỦ YẾU:

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Ngân hàng thực hiện ghi chép bằng đồng Việt Nam và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất bằng triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng”) theo Luật các Tổ chức Tín dụng, Luật sửa đổi và bổ sung Một số Điều trong Luật các Tổ chức Tín dụng, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”) và Hệ thống Kế toán các tổ chức Tín dụng Việt Nam. Ngoài ra, Ngân hàng cũng lập báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (“IFRS”). Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây có khác biệt so với các báo cáo tài chính được lập theo luật định tại Việt Nam ở chỗ các báo cáo này bao gồm một số điều chỉnh nhưng không được thể hiện trong sổ sách của Ngân hàng theo VAS. Những điều chỉnh đó là cần thiết để trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về vốn chủ sở hữu của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế do Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế ban hành, ngoại trừ việc ghi nhận giảm giá Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt (theo IAS 39 – “Các Công cụ Tài chính: Ghi nhận và Xác định Giá trị”).

Một số khoản mục trong các báo cáo tài chính của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày các báo cáo tài chính của năm nay.

### Hợp nhất các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của các công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

### Dự phòng rủi ro tín dụng

Vào cuối năm tài chính, Ngân hàng tiến hành thẩm định các khoản cho vay và tạm ứng khách hàng để xác định mức độ dự phòng cho các khoản nợ xấu ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Đặc biệt, các ước tính liên quan đến số tiền và thời gian đến hạn của các dòng tiền trong tương lai là cần thiết khi xác định mức độ dự phòng cho các khoản nợ xấu. Ngân hàng đưa ra các ước tính này dựa trên khả năng tài chính của khách hàng vay và giá trị có thể thu hồi được của tài sản đảm bảo. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố có mức độ khác nhau trong nhận định chủ quan cũng như tính không chắc chắn và kết quả thực tế có thể khác nhau dẫn đến việc có thể có điều chỉnh một số khoản trong tương lai.

Các khoản vay không được ghi nhận dự phòng giảm giá khi đánh giá khả năng giảm giá trị một cách riêng lẻ – Nợ đủ tiêu chuẩn và các khoản vay không thể đánh giá riêng lẻ sẽ được xem xét khả năng giảm giá trị theo nhóm để xác định mức dự phòng cần trích lập do các sự kiện khách quan đã xảy ra nhưng chưa xác định được tổn thất một cách rõ ràng.

### Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi có bằng chứng cho thấy Ngân hàng sẽ thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và giá trị của khoản doanh thu này có thể tính toán được. Sau đây là những điều kiện cụ thể cho việc ghi nhận doanh thu:

### Ghi nhận thu nhập/chi phí lãi và các khoản tương đương

Đối với các công cụ tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ và tài sản tài chính có phát sinh thu nhập/chi phí lãi được phân loại vào đầu tư tài chính sẵn sàng để bán, thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp lãi suất thực. Đây là lãi suất chiết khấu chính xác số tiền phải trả hoặc phải thu trong tương lai trong kỳ hạn của công cụ tài chính hoặc cho một kỳ hạn ngắn hơn (tùy trường hợp) về giá trị thực của tài sản hoặc công nợ tài chính. Việc tính toán theo phương pháp lãi suất thực có xem xét đến các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính (ví dụ như quyền chọn trả trước) bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp đến công cụ này và là một phần của lãi suất thực, nhưng không phải tổn thất tín dụng trong tương lai. Giá trị ghi sổ của tài sản hoặc công nợ tài chính sẽ được điều chỉnh nếu Ngân hàng thay đổi các ước tính về khoản phải trả hay phải thu. Giá trị còn lại được điều chỉnh sẽ được tính dựa trên lãi suất thực ban đầu. Thay đổi trong giá trị ghi sổ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí lãi.

Khi giá trị ghi nhận của một tài sản tài chính trong một nhóm các tài sản tài chính tương tự bị giảm do giảm giá trị tài sản, thu nhập lãi tiếp tục được ghi nhận sử dụng lãi suất thực ban đầu tính trên giá trị ghi sổ mới.

### Thu nhập từ phí dịch vụ

Ngân hàng thu phí từ các dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Thu nhập từ phí có thể chia thành các nhóm sau:

#### Phí thu từ việc cung cấp dịch vụ trong một thời gian nhất định

Phí thu từ việc cung cấp dịch vụ trong một thời gian nhất định được dự thu trong suốt thời gian đó. Phí này bao gồm phí quản lý quỹ đầu tư, phí quản lý, phí nhận ủy thác, hoa hồng và các phí liên quan đến cấp tín dụng, quản lý tài sản, phí quản lý danh mục và các chi phí quản lý cũng như phí tư vấn khác.

#### Phí thu từ việc cung cấp dịch vụ giao dịch

Phí phát sinh từ việc đàm phán và tham gia đàm phán các giao dịch cho một bên thứ ba – ví dụ dàn xếp việc mua cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác hoặc mua lại doanh nghiệp – được ghi nhận khi hoàn tất giao dịch liên quan. Phí hoặc các bộ phận của phí này có liên quan đến việc thực hiện một công việc nhất định sẽ được ghi nhận khi hoàn tất điều kiện tương ứng.

#### Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được thanh toán của Ngân hàng được thiết lập.

### Lợi ích của nhân viên

#### Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng cho suốt thời gian làm việc tại Ngân hàng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng còn có chính sách hỗ trợ đối với cán bộ công nhân viên trước khi nghỉ hưu từ quỹ thu nhập từ 3 đến 6 tháng lương theo Quyết định số 066/QĐ-HĐQT ngày 17 tháng 3 năm 2006.

#### Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

*Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ trả trợ cấp thôi việc tự nguyện cho nhân viên bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc, cộng thêm phụ cấp lương (nếu có) trong trường hợp nhân viên quyết định chấm dứt hợp đồng lao động.

*Trợ cấp mất việc:* theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc làm cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng phải trả cho nhân viên khoản trợ cấp mất việc làm tương đương với một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, các ngân hàng phải tính toán dự phòng trợ cấp mất việc làm cho nhân viên từ 1,00% đến 3,00%/năm trên lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, số dư của quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 10,00% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được chuyển sang quỹ dự phòng trợ cấp mất việc cho nhân viên như đã quy định trong Thông tư 82.

Trong năm 2008, Ngân hàng đã thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc tương đương với 3,00% quỹ lương nộp bảo hiểm xã hội của Ngân hàng.

## 2. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Chỉ tiêu	2008		2007	
	Giá gốc triệu đồng	Giá trị hợp lý triệu đồng	Giá gốc triệu đồng	Giá trị hợp lý triệu đồng
Chứng khoán Nợ	761.845	876.589	132.100	132.100
Chứng khoán niêm yết	734.242	848.986	106.779	106.779
Chứng khoán không niêm yết	27.603	27.603	25.321	25.321
Chứng khoán Vốn	1.847.966	1.263.495	649.586	727.644
Chứng khoán niêm yết	1.403.536	897.402	379.932	466.339
Chứng khoán không niêm yết	444.430	366.093	269.654	261.305
<b>Tổng</b>	<b>2.609.811</b>	<b>2.140.084</b>	<b>781.686</b>	<b>859.744</b>

## 3. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

Chi tiết các khoản chứng khoán sẵn sàng để bán tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Chỉ tiêu	2008		2007	
	Giá gốc triệu đồng	Giá trị hợp lý triệu đồng	Giá gốc triệu đồng	Giá trị hợp lý triệu đồng
Chứng khoán nợ	28.602.776	28.428.871	24.972.987	24.755.385
Chứng khoán vốn	2.093.049	1.572.948	1.948.232	2.387.144
<b>Tổng</b>	<b>30.695.825</b>	<b>30.001.819</b>	<b>26.921.219</b>	<b>27.142.529</b>

### Chứng khoán nợ

Chi tiết các chứng khoán nợ do Ngân hàng nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Chỉ tiêu	2008	2007
	Giá trị hợp lý triệu đồng	Giá trị hợp lý triệu đồng
Chứng khoán Chính phủ	22.405.298	22.799.211
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1.829.731	761.951
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	4.193.842	1.194.223
<b>Tổng</b>	<b>28.428.871</b>	<b>24.755.385</b>

### Chứng khoán vốn

Chi tiết các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vào các tổ chức khác tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	2008		2007	
	Giá mua triệu đồng	Giá trị hợp lý triệu đồng	Giá mua triệu đồng	Giá trị hợp lý triệu đồng
Chứng khoán vốn niêm yết trên TTCK	700.740	462.298	529.948	776.585
Chứng khoán vốn được giao dịch trên TT OTC	833.498	551.839	1.222.400	1.414.675
Chứng khoán vốn khác	558.811	558.811	195.884	195.884
<b>Tổng</b>	<b>2.093.049</b>	<b>1.572.948</b>	<b>1.948.232</b>	<b>2.387.144</b>

## 4. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	2008		2007	
	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị phân bổ triệu đồng	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị phân bổ triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt (*)	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000
Công trái Giáo dục	592.423	767.902	743.930	927.270
Trái phiếu Đô thị của UBND tỉnh Đồng Nai	30.000	32.459	30.000	32.459
Trái phiếu Vinashin	200.000	200.489	-	-
<b>Tổng</b>	<b>2.172.423</b>	<b>2.350.850</b>	<b>2.123.930</b>	<b>2.309.729</b>

(\*): Ngoại trừ Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt đang được ghi nhận theo mệnh giá

## 5. CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC KHÁCH HÀNG SAU KHI TRỪ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2008	2007
	Triệu đồng	Triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	147.505.987	113.999.415
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	3.218.964	4.574.495
Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính	2.500.505	1.500.965
Các khoản trả thay khách hàng	700	-
Cho vay bằng vốn ODA	6.009.379	5.545.323
Cho vay theo chỉ định của Chính phủ và theo KHNN	1.245.792	1.966.571
Cho vay ủy thác	500.000	4.380.570
Nợ cho vay được khoanh và nợ chờ xử lý	1.193	16.215
<b>Tổng</b>	<b>160.982.520</b>	<b>131.983.554</b>
Lãi dự thu cho vay khách hàng	1.539.680	1.021.067
<b>Tổng</b>	<b>162.522.200</b>	<b>133.004.621</b>
Trừ: dự phòng rủi ro tín dụng	(8.346.408)	(6.387.810)
<b>Tổng</b>	<b>154.175.792</b>	<b>126.616.811</b>

Chỉ tiêu	2008	2007
	lãi suất %/năm	lãi suất %/năm
Phải thu từ các hợp đồng cho thuê tài chính	12,60 đến 20,50	12,60 đến 13,80
Cho vay thương mại bằng VNĐ	11,14 đến 21	10,20 đến 12,60
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	(*)	(*)

(\*) Ngắn hạn: 6,50%/năm đến 8,00%/năm

Trung, dài hạn: Sibor + biên độ 2,50%/năm đến 3,50%/năm

Cho vay thương mại gồm các khoản cho vay ngắn, trung và dài hạn, bao gồm cả các khoản vay hợp vốn mà Ngân hàng làm đầu mối hay tham gia với tư cách là ngân hàng thành viên, bằng VNĐ và đô la Mỹ.

Cho vay chỉ định và theo kế hoạch Nhà nước bao gồm các khoản cho vay đối với các doanh nghiệp và dự án theo kế hoạch phát triển như hướng dẫn của Chính phủ và một phần được tài trợ từ nguồn vốn vay NHNN và Bộ Tài chính. Bộ Tài chính và NHNN quy định mức lãi suất đối với các khoản cho vay này và Ngân hàng được nhận mức chênh lệch lãi suất cấp bù từ Bộ Tài chính ở mức 2,40%/năm (2007: 2,40%/năm) trên số dư cho vay bình quân.

Cho vay ODA bao gồm các khoản cho vay được tài trợ bởi các nguồn vốn uỷ thác từ các chương trình hỗ trợ phát triển quốc gia thông qua Bộ Tài chính. Ngân hàng chỉ đóng vai trò là đại diện quản lý những nguồn vốn này. Theo đó, Ngân hàng không chịu bất kì rủi ro tín dụng nào liên quan đến khoản cho vay này theo như các điều khoản đã được quy định trong bản thỏa thuận với nhà tài trợ ODA và Bộ Tài chính. Những khoản cho vay mất khả năng thanh toán sẽ được thông báo lại cho các nhà tài trợ ODA và Bộ Tài chính để có giải pháp xử lý. Những khoản cho vay khác cũng được tài trợ bởi nguồn vốn uỷ thác từ các chương trình phát triển chính thức nhưng Ngân hàng phải chịu toàn bộ rủi ro được phân loại thành các khoản cho vay thương mại.

## 6. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2008	2007
	Triệu đồng	Triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1	6.387.810	5.185.717
Dự phòng trích lập tăng trong năm	2.404.798	3.103.020
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý nợ trong năm	(446.200)	(1.900.927)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	8.346.408	6.387.810

Các khoản cho vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 được phân loại theo Chính sách phân loại nợ của Ngân hàng như sau:

Chỉ tiêu	Số dư nợ gốc Triệu đồng	Mức dự phòng cụ thể Triệu đồng	Tỷ lệ dự phòng/dư nợ %
<b>Phân loại rủi ro</b>			
Nợ đủ tiêu chuẩn	116.336.846	-	0,00
Nợ cần chú ý	31.452.426	5.523.087	17,56
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.832.544	1.666.433	58,83
Nợ nghi ngờ	413.369	273.781	66,23
Nợ không thu hồi được	937.321	883.107	94,22
	<b>151.972.506</b>	<b>8.346.408</b>	<b>5,49</b>
<b>Cộng:</b>			
Cho vay bằng vốn ODA	6.009.379		
Cho vay uỷ thác được đánh giá là có rủi ro thấp và Ngân hàng đã thu hồi đầy đủ ngay sau thời điểm cuối năm	500.000		
Cho vay theo các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán của BSC được hạch toán trong các khoản "Cho vay chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá"	2.500.635		
Dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	160.982.520		

Chi tiết của chi phí dự phòng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như sau:

Chỉ tiêu	2008	2007
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí dự phòng theo quy định trong năm	2.412.085	3.368.071
(Hoàn nhập)/trích bổ sung dự phòng trong năm theo IFRS	(7.287)	(265.051)
Tổng chi phí dự phòng trong năm theo IFRS	<b>2.404.798</b>	<b>3.103.020</b>

## 7. ĐẦU TƯ GÓP VỐN LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Chỉ tiêu	Đầu tư vào các công ty liên doanh triệu đồng	Đầu tư vào các công ty liên doanh triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	684.084	148.000	832.084
Vốn góp tăng trong năm	651.839	161.709	813.548
Phần chia sẻ lãi/(lỗ) trong năm của các công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	58.035	(65.623)	(7.588)
Chênh lệch do chuyển đổi BCTC (*)	29.148	-	29.148
Trừ: Cổ tức nhận được trong năm	(24.771)	-	(24.771)
Vốn góp giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	<b>1.398.335</b>	<b>244.086</b>	<b>1.642.421</b>

(\*): Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty liên doanh từ đô la Mỹ sang VNĐ cho mục đích hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

## 8. TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁCH HÀNG

Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

Chỉ tiêu	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	44.936.968	42.672.255
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	32.771.138	35.982.718
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	198.564	632.613
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	11.955.425	6.026.882
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	11.841	30.042
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	115.267.125	90.096.840
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	57.936.949	39.913.836
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	32.418.466	34.706.867
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	13.574.505	3.652.845
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	11.337.205	11.823.292
<b>Tiền gửi vốn chuyên dụng</b>	3.192.854	2.566.607
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng VNĐ	1.333.973	2.247.974
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng ngoại tệ	1.858.881	318.633
	<b>163.396.947</b>	<b>135.335.702</b>
Lãi dự chi tiền gửi khách hàng	2.893.742	2.897.897
	<b>166.290.689</b>	<b>138.233.599</b>



## Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

Chỉ tiêu	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
<b>Tiền gửi của TCKT</b>	88.256.665	75.318.302
Doanh nghiệp quốc doanh	33.108.262	55.259.678
DN ngoài quốc doanh và các đối tượng khác	47.013.692	14.708.373
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	8.134.711	5.350.251
<b>Tiền gửi của cá nhân</b>	58.006.710	52.003.541
<b>Tiền gửi của các đối tượng khác</b>	17.133.572	8.013.859
	<b>163.396.947</b>	<b>135.335.702</b>

## 9. THU NHẬP LÃI RÒNG

### Thu nhập lãi và các khoản tương đương

Chỉ tiêu	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	1.637.868	1.846.186
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	18.186.336	11.716.920
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	291.539	187.551
Thu nhập lãi từ đầu tư tài chính sẵn sàng để bán	1.725.967	1.506.744
Thu nhập lãi từ đầu tư tài chính giữ đến ngày đáo hạn	281.452	170.598
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng khác	1.190	3.167
	<b>22.124.352</b>	<b>15.431.166</b>

### Chi phí lãi và các khoản tương đương

Chỉ tiêu	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	12.422.004	8.441.635
Trả lãi tiền vay	1.706.097	363.348
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.709.008	815.300
Trả lãi tiền thuê tài chính	-	45.181
Chi phí hoạt động tín dụng khác	58.496	914.471
	<b>15.895.605</b>	<b>10.579.935</b>

## 10. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Chỉ tiêu	2008 triệu đồng	2007 triệu đồng
<b>Thu phí dịch vụ từ:</b>		
Hoạt động thanh toán	449.400	323.067
Hoạt động bảo lãnh	471.665	283.931
Hoạt động ngân quỹ	16.505	17.036
Dịch vụ đại lý	39.829	11.211
Hoạt động bảo hiểm	134.658	105.288
Dịch vụ khác	148.397	50.863
	<b>1.260.454</b>	<b>791.396</b>
<b>Chi phí dịch vụ liên quan đến:</b>		
Hoạt động thanh toán	(23.103)	(22.465)
Hoạt động ngân quỹ	(36.534)	(34.484)
Bưu điện, viễn thông	(30.211)	(22.008)
Dịch vụ đại lý	(14.406)	(412)
Hoạt động bảo hiểm	(135.345)	(82.654)
Dịch vụ khác	(17.967)	(5.183)
	<b>(257.566)</b>	<b>(167.206)</b>
Thu nhập thuần từ phí dịch vụ	<b>1.002.888</b>	<b>624.190</b>

## 11. LÃI/LỖ THUẦN TỪ KINH DOANH NGOẠI TỆ & VÀNG

Chỉ tiêu	2008	2007
	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối:</b>		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	893.442	160.459
Thu từ kinh doanh vàng	-	18.515
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	363.288	19.110
	<b>1.256.730</b>	<b>198.084</b>
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối:</b>		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(340.593)	(48.156)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(125.358)	(10.281)
	(465.951)	(58.437)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng	<b>790.779</b>	<b>139.647</b>

## 12. LÃI/LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Chỉ tiêu	2008	2007
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	70.863	166.336
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(106.538)	(28.975)
Thay đổi giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh	(687.237)	7.833
Thu nhập thuần từ kinh doanh chứng khoán sẵn sàng để bán	42.160	49.919
Lãi/(lỗ) thuần về mua bán chứng khoán	(680.752)	195.113

## 13. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoài những thông tin đã công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày lập báo cáo tài chính này không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2008 có thể ảnh hưởng quan trọng đến tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Số tham chiếu: 60755046/13537148

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam**


Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây được gọi tắt là "Ngân hàng") và các công ty con, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lợi nhuận để lại hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất") được trình bày từ trang 2 đến trang 77. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

#### Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

#### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

  
Ernst & Young Vietnam Ltd.  
Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

  
Michael Yu Lim  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: 0629/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 4 năm 2009



Võ Xuân Minh  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: 0923/KTV

## MẠNG LƯỚI

Chi nhánh	Địa chỉ			Điện thoại liên hệ
<b>Trọng điểm Phía Bắc</b>				
1. Sở giao dịch - BIDV	Vincom, 191 Bà Triệu	Q.Hai Bà Trưng	Tp.Hà Nội	(04) 2.2234234
2. CN Hai Bà Trưng	Số 10 Trần Đại Nghĩa	Q.Hai Bà Trưng	Tp.Hà Nội	(04)3.6284166
3. CN Quang Trung	Toà Nhà ChingFon, 53 Quang Trung	Q.Hai Bà Trưng	Tp.Hà Nội	(04) 3.9433033
4. CN Ba Đình	Số 18 Núi Trúc, Ba Đình	Q.Ba Đình	Tp.Hà Nội	(04) 3.7264014
5. CN Hà Nội	Số 93 Lò Đúc	Q.Hai Bà Trưng	Tp.Hà Nội	(04) 3.8254609
6. CN Tây Hồ	Số 278 Thụy Khê	Q.Tây Hồ	Tp.Hà Nội	(04) 3.7285255
7. CN Nam Hà Nội	Số 1281 Đường Giải Phóng	Q.Hoàng Mai	Tp.Hà Nội	(04) 3.6422878
8. CN Đông Hà Nội	Tổ 3 Khối 1 Thị Trấn Đông Anh	H.Đông Anh	Tp.Hà Nội	(04) 3.8838568
9. CN Thăng Long	Số 8 Đường Phạm Hùng	Q.Cầu Giấy	Tp.Hà Nội	(04) 3.7544965
10. CN Tây Hà Nội	Công ty cầu 11 Thăng Long, Đường Phạm Văn Đồng	H. Từ Liêm	Tp.Hà Nội	(04) 3.7578930
11. CN Bắc Hà Nội	Số 137A Nguyễn Văn Cừ	Q.Long Biên	Tp.Hà Nội	(04) 2.2207996
12. CN Thành Đô	Số 463 Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Đông	Q.Long Biên	Tp.Hà Nội	(04) 3.8757952
13. CN Hà Thành	Số 79-81 Trần Hưng Đạo	Q.Hoàn Kiếm	Tp.Hà Nội	(04) 3.9362086
14. CN Thanh Xuân	Số 198 Nguyễn Tuân	Q.Ba Đình	Tp.Hà Nội	(04) 2.2212866
15. CN Đông Đô	Số 14 Láng Hạ	Q.Ba Đình	Tp.Hà Nội	(04) 3.7723046
16. CN Cầu Giấy	Toà tháp Hoà Bình, 106 Hoàng Quốc Việt	Q.Cầu Giấy	Tp.Hà Nội	(04) 3.7556910
17. CN Hà Tây	Số 197 Quang Trung	TP.Hà Đông	Tp.Hà Nội	(043) 3.821137
18. CN Sơn Tây	Số 191 Đường Lê Lợi	TP.Sơn Tây	Tp.Hà Nội	(043) 3.832373
19. CN Vĩnh Phúc	Số 8 Đường Kim Ngọc, Phường Ngô Quyền	TX.Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	(0211) 3.862684
20. CN Phúc Yên	Phường Hùng Vương	TX.Phúc Yên	Vĩnh Phúc	(0211) 3.869876
21. CN Bắc Ninh	Số 1 Nguyễn Đăng Đạo	TP.Bắc Ninh	Bắc Ninh	(0241) 3.822720
22. CN Từ Sơn	Số 1A Minh Khai, Thị trấn Từ Sơn	H.Từ Sơn	Bắc Ninh	(0241) 6.260161
23. CN Hải Dương	Số 2 Lê Thanh Nghị	TP.Hải Dương	Hải Dương	(0320) 2.210876
24. CN Bắc Hải Dương	Số 206 Nguyễn Trãi 2, TT Sao Đỏ	H.Chí Linh	Hải Dương	(0320) 3883441
25. CN Hưng Yên	Km1, Đường 39, Xã Nghĩa Hiệp	H.Yên Mỹ	Hưng Yên	(0321) 3.972516
26. CN Hải Phòng	Số 68-70 Điện Biên Phủ	Q.Hồng Bàng	Tp.Hải Phòng	(031) 3.841475
27. CN Quảng Ninh	Số 737 Lê Thánh Tông	TP.Hạ Long	Quảng Ninh	(033) 3.825502
28. CN Tây Nam Quảng Ninh	Số 430 Quang Trung	TX.Uông Bí	Quảng Ninh	(033) 3.663327
29. CN Móng Cái	Đường Hùng Vương	TX.Móng Cái	Quảng Ninh	(033) 3.881121
30. Sở giao dịch 3 - BIDV	Toà nhà VIT 519 Kim Mã	Q.Ba Đình	Tp.Hà Nội	(04) 2.2200570

Chi nhánh	Địa chỉ			Điện thoại liên hệ
<b>Đồng bằng Sông Hồng</b>				
31. CN Thái Bình	Số 80D Lý Thường Kiệt, P.Lê Hồng Phong	TP.Thái Bình	Thái Bình	(036) 3.731210
32. CN Hà Nam	Số 210 đường Lê Hoàn, P.Quang Trung	TX.Phủ Lý	Hà Nam	(0351) 3.852763
33. CN Nam Định	Số 92C Đường Hùng Vương	TP.Nam Định	Nam Định	(0350) 3.648634
34. CN Ninh Bình	Đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Thành	TX.Ninh Bình	Ninh Bình	(030) 3.871429
<b>Bắc Trung Bộ</b>				
35. CN Thanh Hoá	Số 7 Đường Phan Chu Trinh	TP.Thanh Hoá	Thanh Hoá	(037) 3.852680
36. CN Bim Sơn	Số 117 Trần Phú, Phường Ba Đình	TX.Bim Sơn	Thanh Hoá	(037) 3.767752
37. CN Nghệ An	Số 216 Đường Lê Duẩn	TP.Vinh	Nghệ An	(038) 3.592843
38. CN Phủ Quỳ	Số 6 đường 15, T.trấn Thái Hoà	H.Nghĩa Đàn	Nghệ An	(038) 3.961853
39. CN Bắc Nghệ An	Thị trấn Hoàng Mai	H.Quỳnh Lưu	Nghệ An	(038) 3.668236
40. CN Tây Nghệ An	Khối 7, Thị trấn Đô Lương	H.Đô Lương	Nghệ An	(038) 3.871309
41. CN Hà Tĩnh	Số 88 Đường Phan Đình Phùng, P.Tân Giang	TP.Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	(039) 3.855587
42. CN Quảng Bình	Số 189, Đ. Hữu Nghị, P. Nam Lý	TP.Đồng Hới	Quảng Bình	(052) 3.824607
43. CN Bắc Quảng Bình	Khu phố 4, Thị trấn Ba Đồn	H.Quảng Trạch	Quảng Bình	(052) 3.512448
44. CN Quảng Trị	Số 24 Hùng Vương	TX.Đông Hà	Quảng Trị	(053) 3.850841
45. CN Thừa Thiên Huế	Số 35 Đường Bến Nghé	TP.Huế	T.T.Huế	(054) 3.825068
<b>Nam Trung Bộ</b>				
46. CN Đà Nẵng	Số 90 Nguyễn Chí Thanh	Q.Hải Châu	Tp.Đà Nẵng	(0511) 3.825668
47. CN Hải Vân	Số 339 Nguyễn Lương Bằng	Q.Liên Triều	Tp.Đà Nẵng	(0511) 3.731750
48. CN Quảng Nam	Số 4 Phan Bội Châu	TP.Tam Kỳ	Quảng Nam	(0510) 3.859188
49. CN Quảng Ngãi	Số 56 Đại Lộ Hùng Vương	TP.Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	(055) 3.827501
50. CN Bình Định	Số 72 Lê Duẩn	TP.Quy Nhơn	Bình Định	(056) 3.520067
51. CN Phú Tài	Km1230 QL1A, KCN Phú Tài, P.Trần Quang Diệu	TP.Quy Nhơn	Bình Định	(056) 3.741103
52. CN Phú Yên	Số 287 Nguyễn Huệ	TP.Tuy Hoà	Phú Yên	(057) 3.822343
53. CN Khánh Hoà	Số 35 đường 2/4	TP.Nha Trang	Khánh Hoà	(058) 3.3823495
54. CN Ninh Thuận	Số 138 Đường 21 tháng 8, Phước Mỹ	TP.Phan Rang	Ninh Thuận	(068) 3.825550
55. CN Bình Thuận	Số 286A Trần Hưng Đạo	TP.Phan Thiết	Bình Thuận	(062) 3.821058

Chi nhánh	Địa chỉ			Điện thoại liên hệ
<b>Miền Núi phía Bắc</b>				
56. CN Bắc Giang	Nguyễn Gia Thiểu, Phường Trần Phú	TP.Bắc Giang	Bắc Giang	(0240) 3. 824654
57. CN Cao Bằng	Số 46 Phố Xuân Trường, P. Hợp Giang	TX.Cao Bằng	Cao Bằng	(026) 3. 852978
58. CN Điện Biên	Phố 3, Phường Mường Thanh	TP.Điện Biên Phủ	Điện Biên	(023) 3. 825714
59. CN Hà Giang	Tổ 19 Phường Nguyễn Trãi	TX.Hà Giang	Hà Giang	(0219) 3. 867201
60. CN Hoà Bình	Trần Hưng Đạo, P.Phương Lâm	TX.Hoà Bình	Hoà Bình	(0218) 3. 854852
61. CN Lai Châu	Phố Phong Châu 2	TX.Lai Châu	Lai Châu	(0123) 3. 876998
62. CN Lạng Sơn	Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, P.Chi Lăng	TP.Lạng Sơn	Lạng Sơn	(025) 3. 812063
63. CN Lào Cai	Số 02 Đ. Hoàng Sào, P. Duyên Hải	TP.Lào Cai	Lào Cai	(020) 3. 820009
64. CN Phú Thọ	Số 1167 Đường Hùng Vương, P. Tiên Cát	TP.Việt Trì	Phú Thọ	(0210) 3. 846582
65. CN Sơn La	Số 188 Đường Tô Hiệu	TX.Sơn La	Sơn La	(022) 3. 852276
66. CN Bắc Kạn	Tổ 8 - Phường Đức Xuân	TX.Bắc Kạn	Bắc Kạn	(0281) 3. 878387
67. CN Thái Nguyên	Tổ 27, P.Hoàng Văn Thụ (Lương Ngọc Quyển)	TP.Thái Nguyên	Thái Nguyên	(0280) 3. 855247
68. CN Tuyên Quang	Đường Bình Thuận, P.Minh Xuân	TX.Tuyên Quang	Tuyên Quang	(027) 3. 822453
69. CN Yên Bái	Phường Hồng Hà	TP.Yên Bái	Yên Bái	(029) 3. 862204
<b>Tây Nguyên</b>				
70. CN Kon Tum	Số 1A Trần Phú	TX.Kon Tum	Kon Tum	(060) 3. 869080
71. CN Lâm Đồng	Số 30 Trần Phú	TP.Đà Lạt	Lâm Đồng	(063) 3. 821171
72. CN Bảo Lộc	Số 28-30 đường 28/3, Phường 1	TX.Bảo Lộc	Lâm Đồng	(063) 3. 866802
73. CN Đắk Lắk	Số 17 Nguyễn Tất Thành	TP.Buôn Mê Thuột	Đắk Lắk	(0500) 3. 952756
74. CN Đông Đắklăk	Km52, Quốc lộ 26, Thị trấn EaKar	H.EaKar	Đắk Lắk	(0500) 3. 626692
75. CN Bắc Đắklăk	Số 170 Hùng Vương (QL 14), Thị trấn Buôn Hồ	H.Krông Buk	Đắk Lắk	(0500) 3. 570727
76. CN Đắk Nông	Đường 23/3	TX.Gia Nghĩa	Đắk Nông	(050) 3. 544127
77. CN Bình Phước	QL 14, Phường Tân Bình	TX.Đồng Xoài	Bình Phước	(0651) 3. 870014
78. CN Gia Lai	Số 112 Đường Lê Lợi, Phường Hoa Lư	TP.Pleiku	Gia Lai	(059) 3. 716896
<b>Đồng bằng Sông Cửu Long</b>				
79. CN Long An	Số 140 Hùng Vương, Phường 2	TX.Tân An	Long An	(072) 3. 836392
80. CN An Giang	Số 49-51-53 Nguyễn Huệ B	TP.Long Xuyên	An Giang	(076) 3. 840018
81. CN Bắc An Giang	Số 7-9 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Châu Phú A	TX. Châu Đốc	An Giang	(076) 3. 564656
82. CN Bạc Liêu	B42-B44 Trung tâm thương mại Bạc Liêu	TX.Bạc Liêu	Bạc Liêu	(0781) 3. 823816
83. CN Bến Tre	Số 21 Đại Lộ Đồng Khởi, Phường 3	TX.Bến Tre	Bến Tre	(075) 3. 826084
84. CN Cà Mau	Số 53 Đê Thám, Phường 2	TP.Cà Mau	Cà Mau	(0780) 3. 832089
85. CN Cần Thơ	Số 12 Đường Hoà Bình	Q. Ninh Kiều	TP.Cần Thơ	(0710) 3. 822541

Chi nhánh	Địa chỉ			Điện thoại liên hệ
86. CN Đồng Tháp	Số 12A Đường 30/4, Phường 1	TX.Cao Lãnh	Đồng Tháp	(067) 3. 854454
87. CN Hậu Giang	Số 45 Ấp Phú Lợi, Xã Tân Phú Thạnh	H.Châu Thành A	Hậu Giang	(0711) 3. 848285
88. CN Kiên Giang	Số 205 Nguyễn Trung Trực	TP.Rạch Giá	Kiên Giang	(077) 3. 3872069
89. CN Sóc Trăng	Số 40 Nguyễn Du, Phường 9	TP.Sóc Trăng	Sóc Trăng	(079) 3. 615445
90. CN Tiền Giang	Số 208A Nam Kỳ Khởi Nghĩa	TP.Mỹ Tho	Tiền Giang	(073) 3. 877559
91. CN Trà Vinh	Số 24-26 Phạm Thái Bường	TX.Trà Vinh	Trà Vinh	(074) 3. 856627
92. CN Vĩnh Long	Số 50 Nguyễn Huệ, Phường 2	TX.Vĩnh Long	Vĩnh Long	(070) 3. 820541
<b>Trọng điểm Phía Nam</b>				
93. Sở giao dịch 2 - BIDV	Số 11 Bến Chương Dương, P. Nguyễn Thái Bình	Quận 1	Tp.HCM	(08) 3. 8214929
94. CN Gia Định	Số 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3	Q.Bình Thạnh	Tp.HCM	(08) 3. 5101791
95. CN Tp.HCM	Số 134 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thanh Bình	Quận 1	Tp.HCM	(08) 3. 8290410
96. CN Bắc Sài Gòn	Số 354A Cộng Hoà, P 13	Q.Tân Bình	Tp.HCM	(08) 3. 8107511
97. CN Đông Sài Gòn	Số 33 Nguyễn Văn Bá, P Bình Thọ	Q.Thủ Đức	Tp.HCM	(08) 3. 7221118
98. CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Số 12-14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Quận 1	Tp.HCM	(08) 3. 8218812
99. CN Sài Gòn	Số 503-505 Nguyễn Trãi, P.7	Quận 5	Tp.HCM	(08) 3. 8550330
100. CN Tây Sài Gòn	Lô 2-4-6, đường C, KCN Tân Tạo	Q.Bình Tân	Tp.HCM	(08) 3. 7505376
101. CN Bà Rịa - Vũng Tàu	Số 24 Trần Hưng Đạo, Phường 1	TP.Vũng Tàu	BR- V.Tàu	(064) 3. 852266
102. CN Bà Rịa	Số 20-22 Lê Quý Đôn- P. Phước Hiệp	TX.Bà Rịa	Bà Rịa- V.Tàu	(064) 3. 716486
103. CN Phú Mỹ	Số 132/2 quốc lộ 51, Xã Mỹ Xuân	H.Tân Thành	Bà Rịa- V.Tàu	(064) 3. 931718
104. CN Bình Dương	212 Đường Yersin	TX.Thủ Dầu Một	Bình Dương	(0650) 3. 822423
105. CN Nam Bình Dương	Số 01.07-08, Đường số 3, KCN Việt Nam Singapore	H.Thuận An	Bình Dương	(0650) 3. 756172
106. CN Đồng Nai	Số 7 Hoàng Minh Châu, P. Hòa Bình	TP.Biên Hoà	Đồng Nai	(061) 3.842729
107. CN Đông Đồng Nai	Nguyễn An Ninh, Khu Phước Hải, TT Long Thành	H.Long Thành	Đồng Nai	(061) 3.546603
108. CN Tây Ninh	Số 230 Đường 30/4	TX.Tây Ninh	Tây Ninh	(066) 3.821256





**NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

Tháp A, Vincom City Towers  
191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

---

ĐT: (84 4) 22.206.744  
Fax: (84 4) 22.200.399  
Website: [www.bidv.com.vn](http://www.bidv.com.vn)  
Email: [bidv@hn.vnn.vn](mailto:bidv@hn.vnn.vn)



